

324.259 707 09

TC

L 302 S

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**  
**TỈNH ỦY ĐỒNG NAI**

**LỊCH SỬ**  
**ĐẢNG BỘ TỈNH ĐỒNG NAI**  
(1975 - 2000)



**NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP ĐỒNG NAI 2007**

**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**LỊCH SỬ  
ĐẢNG BỘ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM  
TỈNH ĐỒNG NAI (1975–2000)**

**HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN  
(Quyết định số 246-QĐ/TU ngày 12-5-2003)**

**I. Các đồng chí Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy khóa VII**

**Chủ tịch Hội đồng:** Lê Hoàng Quân

**Phó Chủ tịch Hội đồng:** Trần Đình Thành

**Phó Chủ tịch Hội đồng:** Dương Thanh Tân

**Các Ủy viên Hội đồng:**

Võ Văn Một

Lê Hồng Phương

Huỳnh Văn Trung

Bùi Ngọc Thanh

Huỳnh Văn Hoàng

Trần Minh Thấu

Trương Văn Vở

Đặng Thị Kim Nguyên

Dương Minh Ngà

Nguyễn Tấn Danh

**II- Các đồng chí nguyên là Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy từ khóa I đến khóa VI**

**Các Ủy viên Hội đồng**

Lê Quang Chử

Phạm Văn Hy

Trần Thị Minh Hoàng

Nguyễn Thị Bạch Tuyết

Nguyễn Thị Ngọc Liên

Phan Văn Trang

Nguyễn Văn Thông

Lê Minh Nguyên

Võ Văn Lượng

Nguyễn Việt Nhân

Lê Đình Nghiệp

Trần Đệ

Võ Minh Quang

Nguyễn Thanh Tùng

Phạm Thị Sơn

Lê Thành Ba

Phạm Văn Nà

Huỳnh Văn Bình

Trần Bửu Hiền

Lê Quang Thành

Nguyễn Hải

Trần Văn Cường

Trần Công Khánh

Phạm Điền Sơn

Đặng Văn Tiếp

Lâm Hiếu Trung

Nguyễn Trùng Phương

Nguyễn Trí Thức

Lê Văn Triết

**THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO  
BIÊN SOẠN**

*(Quyết định 338-QĐ/TU ngày 18-12-2003)*

<b>Chủ tịch Hội đồng:</b>	Lê Hoàng Quân
<b>Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng:</b>	Trần Đình Thành
<b>Phó Chủ tịch Hội đồng:</b>	Dương Thanh Tân
<b>Các Ủy viên Hội đồng:</b>	
Võ Văn Một	Phạm Văn Hy
Dương Minh Ngà	Lâm Hiếu Trung
Nguyễn Tấn Danh	Lê Đình Nghiệp
Huỳnh Văn Hoàng	Nguyễn Văn Thông
Phan Văn Trang	

**BAN BIÊN SOẠN**  
*(Quyết định 339-QĐ/TU ngày 18-12-2003)*

**Chủ biên:** Dương Thanh Tân

**Các thành viên**

Trần Quang Toại	Trần Gia Xuân
Nguyễn Văn Khánh	Dương Hòa Hiệp
Lê Văn Liên	Huỳnh Tấn Bửu
Lê Hồng Hà	Nguyễn Thị Hồng
Thái Doãn Mươi	Lê Thị Cát Hoa
Vũ Ngọc Thanh	Đàm Xuân Nhiệm
Nguyễn Lục Hòa	Nguyễn Công Thành

**BIÊN TẬP**

PGS - TS. Nguyễn Trọng Phúc  
TS. Hồ Tổ Lương

**Lời giới thiệu**

Ngày 30 tháng 4 năm 1975, Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử kết thúc thắng lợi, miền Nam thân yêu được hoàn toàn giải phóng, non sông thu về một mối. Sau ngày đất nước thống nhất, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai đã lãnh đạo nhân dân ra sức khắc phục hậu quả chiến tranh, xây dựng chính quyền mới, cuộc sống mới, cùng với cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Chặng đường 25 năm (1975–2000) là giai đoạn có rất nhiều khó khăn, thử thách đối với cả nước nói chung và tỉnh Đồng Nai nói riêng, song Đảng bộ và nhân dân tỉnh Đồng Nai đã luôn nêu cao truyền thống anh hùng, phát huy tinh thần tự lực, tự cường và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, xây dựng Đảng, chính quyền ngày càng vững mạnh, giành được nhiều thành tựu to lớn về phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, nâng cao đời sống nhân dân.

Thành tựu đạt được trong 25 năm qua, nhất là 15 năm thực hiện công cuộc đổi mới (1986–2000) do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo là vô cùng to lớn. Thực hiện đường lối lãnh đạo sáng suốt của Đảng, phát huy những tiềm năng và lợi thế của địa phương, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai đã lãnh đạo nhân dân đồng tâm, hiệp lực, phát huy trí tuệ, tài năng, hăng hái thi đua lao động sản xuất, đoàn kết, sáng tạo, đưa Đồng Nai phát triển mạnh mẽ, trở thành một trong những tỉnh đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đây cũng chính là niềm tự hào, là nguồn sức mạnh tinh thần, vật chất to lớn giúp Đảng bộ và nhân dân tỉnh Đồng Nai vững tin bước vào thế kỷ XXI, tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng tỉnh Đồng Nai giàu mạnh về mọi mặt, góp phần tích cực cùng cả nước thực hiện thắng lợi mục tiêu “dân giàu, nước

manh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.

Thực hiện Chỉ thị 15-CT/TW ngày 28-8-2002 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “Về tăng cường và nâng cao chất lượng công tác nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam” và để tổng kết, đánh giá chặng đường đã qua, rút ra những bài học kinh nghiệm quý giá trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh, làm tài liệu giáo dục truyền thống cách mạng cho các thế hệ hôm nay và mai sau, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo tổ chức nghiên cứu, biên soạn “Lịch sử Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Đồng Nai” – tập III (thời kỳ 1975–2000). Từ kinh nghiệm hai tập “Lịch sử Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Đồng Nai” – tập I (1930–1954) và tập II (1954–1975), Ban biên soạn đã làm việc khoa học, cẩn trọng, chặt chẽ để thực hiện công trình này. Công trình được sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, sự chỉ đạo, đóng góp ý kiến sâu sắc của Hội đồng chỉ đạo biên soạn, của các nhân chứng lịch sử, các đồng chí lão thành cách mạng, các đồng chí trong Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh các khóa, sự cung cấp tư liệu của các cơ quan, đơn vị trong và ngoài tỉnh; đồng thời được sự tham gia chỉnh lý của Viện Lịch sử Đảng – Học viện Chính trị – Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

Hội đồng chỉ đạo và Ban biên soạn trân trọng tiếp thu những ý kiến đóng góp quý báu, đầy trách nhiệm của các đồng chí lão thành cách mạng, các đồng chí lãnh đạo Tỉnh ủy các khóa. Những ý kiến đóng góp của các đồng chí đã góp phần nâng cao chất lượng cho bộ sử Đảng bộ tỉnh, khẳng định thêm tính chân thực của các sự kiện, bổ sung những đánh giá, kiến giải khoa học, thuyết phục. Riêng một vài ý kiến khác nhau về chi tiết những sự kiện, Ban biên soạn đã ghi nhận, đưa vào phần dữ liệu lịch sử để tham khảo, tiếp tục nghiên cứu bổ sung sau này.

Mặc dù Ban biên soạn Lịch sử Đảng bộ tỉnh đã hết sức cố gắng, song tập sách chắc chắn không tránh khỏi những thiếu sót, hạn chế. Chúng tôi mong nhận được những ý kiến đóng góp của bạn đọc trong và ngoài tỉnh để công trình được hoàn chỉnh hơn trong những lần tái bản.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Nai xin chân thành cảm ơn các đồng chí, các cơ quan, đơn vị đã đóng góp những ý kiến quý báu giúp chúng tôi hoàn thành quyển sách này.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Nai xin trân trọng giới thiệu quyển sách “Lịch sử Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Đồng Nai” – tập III (thời kỳ 1975–2000) cùng các đồng chí, đồng bào và bạn đọc.

Biên Hòa, ngày 1 tháng 12 năm 2007

**TRẦN ĐÌNH THÀNH**

**Ủy viên Ban Chấp hành Trung  
ương Đảng**

**Bí thư Tỉnh ủy Đồng Nai**

## **ĐẢNG BỘ TỈNH ĐỒNG NAI LÃNH ĐẠO CẢI TẠO XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (1975–1985)**

Chiến thắng mùa Xuân năm 1975 mà đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử đã giải phóng hoàn toàn miền Nam, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta. Sự kiện vĩ đại đó đã tạo ra một bước ngoặt trong lịch sử dân tộc. **“Cách mạng Việt Nam chuyển sang giai đoạn mới: Từ chiến tranh chuyển sang hoà bình, từ một nửa nước bị chủ nghĩa thực dân mới chia cắt và thống trị sang cả nước độc lập và thống nhất, từ hai nhiệm vụ chiến lược, cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa, sang một nhiệm vụ chiến lược là làm cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước.”**<sup>(1)</sup>

Hoà trong niềm vui chung của cả dân tộc và bạn bè quốc tế, với “hào khí Đồng Nai”, truyền thống cách mạng và tinh thần sáng tạo, ý thức tự lực tự cường, Đảng bộ và nhân dân Đồng Nai phấn khởi bước vào giai đoạn mới, thực hiện những nhiệm vụ mới: khắc phục hậu quả chiến tranh, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

### **I. KHẮC PHỤC HẬU QUẢ CHIẾN TRANH, ỔN ĐỊNH TÌNH HÌNH VÀ ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN (5-1975 – 1976)**

#### **1. Các Ủy ban Quân quản tiếp quản vùng mới giải phóng**

Sau ngày giải phóng, tình hình ở các tỉnh Biên Hoà, Bà Rịa – Long Khánh, Tân Phú (sau này sáp nhập thành tỉnh Đồng Nai) vô cùng khó khăn, phức tạp. Nền kinh tế của tỉnh cũng như nền kinh tế của cả miền Nam trong hơn 20 năm, phát triển trong một hoàn cảnh đặc biệt, nhằm phục vụ chiến tranh và chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ. Đó là một nền kinh tế phụ thuộc vào nước ngoài và tuy đã có một số cơ sở sản xuất hiện đại của chủ nghĩa tư bản, song sản xuất nhỏ vẫn là phổ biến. Khó khăn lớn nhất là nền sản xuất phụ thuộc bên ngoài về nguyên liệu, xăng dầu và thiết bị kỹ thuật. Số người thất nghiệp đông, tiền tệ lạm phát, thị trường hỗn loạn. Do chiến tranh kéo dài, nông thôn bị bom đạn tàn phá và chính sách gom dân, bình định của địch, nên hàng trăm ngàn đồng bào từ nông thôn không có ruộng đất, bỏ quê hương chạy về tập trung ở các thị xã, thị trấn, tạo nên áp lực lớn về lương thực, phức tạp về xã hội, an ninh. Hơn nữa, trong lúc tháo chạy, ở miền Trung địch cưỡng bức hàng vạn đồng bào theo chúng về đây. Sau giải phóng, 10 vạn binh sĩ và nhân viên trong bộ máy chính quyền Sài Gòn tan rã tại chỗ, kéo theo gia đình của họ không có việc làm. Nhiều cơ sở xí nghiệp ngừng hoạt động. Do vậy, nạn đói, nạn thất nghiệp càng căng thẳng, nghiêm trọng. Dưới chế độ thực dân mới của Mỹ với lối sống thực dụng, nền văn hoá thực dân mới đã để lại nhiều tệ nạn xã hội. Theo báo cáo của Khu uỷ, toàn miền Đông có 20.000 tên tội phạm hình sự, 3.000 tên lưu manh chuyên nghiệp, 20.000 gái mại dâm, 3.500 đối tượng nghiện xì ke, ma tuý do chế độ cũ để lại.

<sup>1</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, T.36, Nxb Chính trị Quốc gia, HN. 2004, tr.394.

Trong kháng chiến, Đảng bộ về cơ bản là lãnh đạo, chỉ đạo bám dân xây dựng cơ sở cách mạng, đấu tranh. Trước yêu cầu mới, khả năng quản lý kinh tế, đời sống, xã hội, văn hoá của cán bộ chưa đáp ứng được yêu cầu trong tình hình mới đặt ra. Đặc biệt, các tổ chức chính quyền, các đoàn thể và tổ chức Đảng ở cơ sở còn mỏng và yếu.

Bên cạnh những khó khăn chông chát do chiến tranh để lại, Đồng Nai có những thuận lợi rất cơ bản. Nhân dân Đồng Nai có truyền thống yêu nước nồng nàn, tinh thần đấu tranh kiên cường bất khuất, có xu hướng tiến bộ, nhạy bén trong việc tiếp thu khoa học kỹ thuật mới. Cán bộ, đảng viên được tôi luyện, thử thách trong cuộc đấu tranh cách mạng lâu dài, gian khổ. Đồng Nai là một tỉnh có đồng bằng, rừng núi, có bờ biển và tài nguyên phong phú, có một số cơ sở công nghiệp của chế độ cũ còn giữ được. Đất đai, khí hậu Đồng Nai phù hợp với nhiều loại cây trồng, nhất là cây công nghiệp ngắn ngày, dài ngày có giá trị kinh tế cao. Sau chiến thắng, trừ thị trấn Định Quán, thị xã Xuân Lộc bị tàn phá, còn lại ta đã tiếp quản được hầu như toàn vẹn các cơ sở kinh tế, văn hoá, hạ tầng cơ sở.

Để thực hiện nhiệm vụ mới, ngày 3-5-1975, Khu uỷ, Bộ chỉ huy Quân khu miền Đông Nam bộ và các ban của Khu uỷ<sup>(2)</sup> đã chuyển về thành phố Biên Hoà để lãnh đạo việc ổn định tình hình vùng mới tiếp quản. Thực hiện chỉ đạo của Khu uỷ miền Đông, Uỷ ban quân quản các tỉnh, thành, thị xã, các huyện được thành lập ngay từ những ngày đầu tháng 4-1975, chuẩn bị làm nhiệm vụ tiếp quản vùng mới giải phóng.

– Uỷ ban quân quản tỉnh Biên Hoà do đồng chí Võ Văn Lượng làm Chủ tịch.

– Uỷ ban quân quản thành phố Biên Hoà do đồng chí Lê Đình Nhơn làm Chủ tịch (tháng 8-1975, Khu uỷ miền Đông quyết định sáp nhập thành phố Biên Hoà vào tỉnh Biên Hoà).

– Uỷ ban quân quản tỉnh Bà Rịa – Long Khánh do đồng chí Phạm Lạc làm Chủ tịch, Uỷ ban quân quản thành phố Vũng Tàu do đồng chí Phạm Văn Hy làm Chủ tịch.

– Uỷ ban quân quản tỉnh Tân Phú do đồng chí Võ Tấn Vịnh làm Chủ tịch.

Để tạo không khí phấn khởi chung trong quần chúng, Khu uỷ miền Đông chỉ đạo Uỷ ban quân quản các tỉnh đi đôi với việc tiếp quản vùng mới giải phóng, phải tăng cường công tác tuyên truyền, tổ chức mít tinh trọng thể chào mừng ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất. Trọng điểm là cuộc mít tinh ở thành phố Biên Hoà, trung tâm của miền Đông Nam bộ.

Ngày 15-5-1975, cuộc mít tinh có hàng chục nghìn quần chúng rực rỡ cờ hoa, hò hời thay mặt các tầng lớp nhân dân trong tỉnh được tổ chức tại thành phố Biên Hoà để chào mừng chiến thắng, chào mừng Uỷ ban quân quản. Đây thực sự là ngày hội lớn của nhân dân.

Uỷ ban quân quản các tỉnh, huyện làm nhiệm vụ chính quyền lâm thời với các chức năng:

1. Tiếp quản nhanh chóng, an toàn toàn bộ các cơ quan đầu não, căn cứ quân sự; các cơ sở kinh tế của địch.

<sup>2</sup> Như Ban Tuyên huấn, Ban Tổ chức, Ban An ninh, Ban Binh vận, Ban Kinh tài, Ban Giao bưu...

2. Nhanh chóng ổn định tình hình chính trị, trật tự an toàn xã hội.
3. Khôi phục các cơ sở hạ tầng, đặc biệt là điện, nước ở các đô thị, thị trấn.
4. Triển khai công tác đăng ký trình diện đối với những sĩ quan, binh lính, công chức, giáo chức chính quyền Sài Gòn.
5. Xây dựng chính quyền các cấp, xây dựng hệ thống chính trị.
6. Ổn định sản xuất vùng giải phóng, cứu trợ cho đồng bào gặp nhiều khó khăn...

Tại thành phố Biên Hoà, ngay từ những giờ phút đầu giải phóng, Ủy ban quân quản tỉnh chỉ đạo các tổ chức cách mạng tiếp quản các phương tiện thông tin liên lạc, kho tàng, vũ khí, tài liệu hồ sơ của địch... ở các công sở của chế độ cũ, các căn cứ quân sự như: Nha Cảnh sát miền Đông (trụ sở Công an tỉnh), Ty Cảnh sát Biên Hoà (công viên Biên Hùng)...

Công tác tiếp quản được tiến hành theo phân công: Khu uỷ, Ủy ban nhân dân cách mạng Khu, các đơn vị của Khu tiếp quản các cơ quan, đơn vị của nguy quân, nguy quyền cấp Quân khu (như Quân đoàn III, Nha Cảnh sát miền Đông...); các Ủy ban quân quản tỉnh, thành phố, huyện tiếp quản các cơ quan cấp tỉnh, huyện. Các căn cứ quân sự, kho tàng do các đơn vị chủ lực Quân khu và Bộ Quốc phòng tiếp quản (như sân bay Biên Hoà, tổng kho Long Bình, các căn cứ Vạn Kiếp, Nước Trong, Thành Tuy Hạ...).

Ban Công vận Khu uỷ, Tiểu ban Công nghiệp Khu được giao nhiệm vụ tiếp quản Khu Kỹ nghệ Biên Hoà là khu kỹ nghệ lớn nhất ở miền Nam lúc bấy giờ. Trước đó, chúng ta đã xây dựng được cơ sở Đảng ở 17 xí nghiệp trong Khu Kỹ nghệ; Ban Công vận Khu uỷ thành lập Liên hiệp Công đoàn giải phóng Khu kỹ nghệ Biên Hoà do đó việc tiếp quản diễn ra thuận lợi, nhanh gọn, thể hiện ý thức làm chủ của giai cấp công nhân ở Biên Hoà. Khi tiếp quản, Khu Kỹ nghệ Biên Hoà có 94 xí nghiệp, nhà máy của tư bản nước ngoài và tư bản trong nước với tổng giá trị đầu tư 32 tỷ 622 triệu (tiền miền Nam), trong đó có 46 xí nghiệp đã hoạt động sản xuất từ trước ngày 30-4-1975. Hầu hết các nhà máy trong Khu kỹ nghệ Biên Hoà là xí nghiệp chế biến, lắp ráp với dây chuyền công nghệ và nguyên liệu nhập từ các nước tư bản. Sau khi kiểm tra, Khu uỷ miền Đông đã thành lập Ban Khôi phục sản xuất Khu Công nghiệp Biên Hoà, có nhiệm vụ tiếp quản, tổ chức điều hành, thực hiện mọi biện pháp cần thiết để nhanh chóng khôi phục sản xuất trong Khu Công nghiệp.

Ngày 5-5-1975, đồng chí Lê Duẩn – Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đồng chí Phạm Văn Đồng – Thủ tướng Chính phủ, đồng chí Võ Nguyên Giáp – Bộ trưởng Bộ Quốc phòng đã đến làm việc với Ủy ban quân quản thành phố Biên Hoà, xem xét sân bay quân sự Biên Hoà và đến thăm Khu Công nghiệp Biên Hoà. Đồng chí Lê Duẩn đánh giá cao tinh thần đấu tranh và ý thức làm chủ của công nhân Khu Công nghiệp, đồng thời chỉ đạo nhiều vấn đề để phát huy quyền làm chủ của công nhân trong lao động sản xuất trong thời kỳ mới.

Ngày 21-6-1975, Khu uỷ thành lập Ban Công nghiệp để quản lý, điều hành, củng cố tổ chức, lập dự án khôi phục Khu Công nghiệp Biên Hoà. Cuối tháng 6-1975, sau khi nghiên cứu thực tế, Ban Công nghiệp đã cấp giấy phép cho 49 nhà máy, xí nghiệp, trong



đó có 38 nhà máy hoạt động với 6.925 công nhân. Các chế độ lương bổng, đãi ngộ đối với kỹ sư, cán bộ kỹ thuật, công nhân trong Khu Công nghiệp đều được giữ nguyên như trước. Tháng 12-1975, theo chỉ đạo của Trung ương, Ủy ban nhân dân cách mạng thành phố Biên Hoà đã bàn giao 40 nhà máy cho các Bộ liên quan quản lý.

Các tỉnh Biên Hoà, Bà Rịa – Long Khánh, Tân Phú là vùng có nhiều đồn điền cao su của các công ty tư bản Pháp. Ủy ban nhân dân cách mạng Khu miền Đông đã chỉ đạo cải tạo, quốc hữu hoá đối với các đồn điền có diện tích trên 500 hecta<sup>(3)</sup>, thành lập Công ty Cao su miền Đông để tiếp quản, khai thác, nhanh chóng khôi phục sản xuất và ổn định đời sống công nhân. Các đồn điền tư nhân (dưới 500 hecta) được phép hoạt động trở lại dưới sự giám sát của Nhà nước để giải quyết việc làm cho công nhân. Tiếp quản gần như nguyên vẹn cơ sở vật chất ở Khu Kỹ nghệ Biên Hoà, các đồn điền cao su trên địa bàn, là một thắng lợi và nỗ lực lớn của các Ủy ban quân quản địa phương, tạo điều kiện thuận lợi để tỉnh Đồng Nai phát triển sau này.

Các cơ sở sản xuất điện, nước ở Biên Hoà, Long Khánh, Bà Rịa, Vũng Tàu được tiếp quản trong tình trạng tốt. Vì vậy, chỉ trong thời gian từ 1 đến 3 ngày, các cơ sở đã vận hành cung cấp điện, nước cho nhân dân và các cơ quan trong tỉnh.

Các bộ phận ngành chức năng của khu, tỉnh nhanh chóng triển khai về cơ sở, kết hợp với việc đối chiếu các hồ sơ của địch để lại với việc khảo sát thực tế, nắm tình hình dân cư, đời sống, kiểm tra hoạt động của các ngành kinh tế, văn hoá, xã hội vùng mới giải phóng để tham mưu cho Ủy ban quân quản các cấp sớm có chính sách phù hợp để ổn định tình hình.

Nhiệm vụ giữ gìn an ninh chính trị, trật tự xã hội là việc làm rất cấp bách. Trong thời điểm sau giải phóng, lực lượng còn ít, để thực hiện tốt nhiệm vụ này, các Ủy ban quân quản đã phát động nhiều đợt phong trào quần chúng tham gia bảo vệ chính quyền cách mạng, tham gia thu gom vũ khí, quân trang quân dụng của địch còn sót lại giao nộp cho chính quyền cách mạng. Ở nội ô thành phố Biên Hoà là nơi tập trung đông đảo lực lượng nguy quân, nguy quyền nên tình hình an ninh, chính trị có nhiều phức tạp. Để ổn định tình hình, Ty An ninh nội chính Biên Hoà được thành lập do đồng chí Trần Quý Tư (Đặng Công Hậu) làm Trưởng ty chỉ đạo lực lượng an ninh và phát động quần chúng nhằm trấn áp bọn tội phạm, giữ gìn an ninh trật tự, vận động quần chúng tham gia bảo vệ chính quyền và ổn định tình hình sau giải phóng. Thực hiện sự chỉ đạo của Ủy ban quân quản thành phố Biên Hoà, các lực lượng vũ trang triển khai chốt chặn, kiểm soát các đầu mối giao thông, các tuyến giao thông trọng yếu như ngã tư Tam Hiệp, ngã ba Vũng Tàu, cầu Đồng Nai, cầu Gành, cầu Rạch Cát... nhằm chủ động phát hiện địch, truy bắt bọn ác ôn lẫn trốn và chống tàn quân địch tập kích vào nội ô. Hàng ngàn sinh viên, học sinh, thanh niên được huy động tập hợp vào Hội Thanh niên giải phóng, vào tự vệ, du kích làm nòng cốt cho phong trào giữ gìn an ninh, trật tự xã hội ở các khu phố dân cư, tham gia thu dọn chiến trường, dọn vệ sinh, điều khiển giao thông, tham gia hướng

---

<sup>3</sup> Chủ yếu là các đồn điền tư bản Pháp như: SPTR (Société des Plantations des Terres Rouges), SIPH (Société Indochinoise des Plantations d'Hévéas), LCD (Les Caoutchoucs du DoNai)...

dẫn kê khai hộ tịch, hộ khẩu; tuyên truyền, phổ biến 7 điều quy định của Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam để lập lại an ninh trật tự xã hội.

Ủy ban quân quản các tỉnh qua hệ thống thông tin bằng loa phóng thanh, bằng tài liệu in đã tuyên truyền chính sách 10 điểm của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam; chính sách hoà hợp, hoà giải dân tộc của Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam; kêu gọi nguy quân, nguy quyền giao nộp vũ khí, đăng ký trình diện; kêu gọi nhân dân thu gom vũ khí, chiến lợi phẩm của địch giao nộp cho các Ủy ban quân quản. Ở các vùng có đông giáo dân (như Long Thành, Xuân Lộc, thành phố Biên Hoà), Ủy ban quân quản thông qua các chức sắc tôn giáo để kêu gọi nhiều nguy quân, đồng bào giáo dân thu gom vũ khí giao nộp cho chính quyền cách mạng. Ban An ninh khu, tỉnh, các Ban Bình vận tỉnh đã mở hàng chục điểm đăng ký để những người từng phục vụ cho chế độ cũ, binh lính, sĩ quan Sài Gòn ra trình diện. Qua 3 đợt đăng ký, các tỉnh Biên Hoà, Bà Rịa – Long Khánh, Tân Phú đã có 28.100 công chức, binh lính, sĩ quan các loại ra trình diện. Số binh lính từ cấp bậc hạ sĩ trở xuống, sau 4 ngày học tập về âm mưu, thủ đoạn của đế quốc Mỹ trong cuộc chiến tranh xâm lược miền Nam, về truyền thống cách mạng, ý nghĩa thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, về chính sách hoà hợp, hoà giải dân tộc, hầu hết đều được cấp giấy chứng nhận học tập cải tạo và giấy công nhận quyền công dân. Các tỉnh Biên Hoà, Bà Rịa – Long Khánh, Tân Phú đã tổ chức học tập cho trên 50.000 binh lính, hạ sĩ quan. Số sĩ quan chế độ cũ từ thiếu úy trở lên được chuyển về Khu để học tập, cải tạo tập trung theo chính sách của chính quyền cách mạng. Thông qua học tập, nhiều người đã nhận thức được tính chất chính nghĩa của dân tộc ta trong cuộc chiến tranh giải phóng chống đế quốc Mỹ xâm lược, chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước, được trao trả quyền công dân, giúp họ xoá dần mặc cảm để tham gia vào công cuộc xây dựng đất nước, thực hiện cuộc sống mới trong cộng đồng dân tộc. Đối với các công chức, viên chức của chế độ cũ, nhất là ở các ngành kinh tế, y tế, giáo dục, tất cả đều được các Ủy ban quân quản kêu gọi ra đăng ký, làm việc sau một đợt học tập chính trị từ 2 đến 3 ngày.

Chính sách khoan hồng, nhân đạo cách mạng được Ủy ban quân quản các tỉnh, huyện thực thi được sự đồng tình của quần chúng, đập tan hoàn toàn luận điệu tuyên truyền của đế quốc và các thế lực thù địch rằng sẽ có “một cuộc tắm máu” trả thù với những người từng cộng tác với nguy quyền, bước đầu tạo niềm tin cho quần chúng, nhất là nhân dân trong vùng mới giải phóng, bà con có đạo tin tưởng vào đường lối chính sách của cách mạng do Đảng lãnh đạo.

Sau giải phóng, vấn đề gay gắt nhất là tình trạng thiếu lương thực. Do chiến tranh, nên phần lớn diện tích ruộng, đất canh tác ở nông thôn bị bỏ hoang. Các tỉnh Biên Hoà, Bà Rịa – Long Khánh, Tân Phú chỉ còn khoảng 40.000 hecta lúa nước chỉ làm được 1 vụ/năm. Trong lúc căng thẳng về lương thực như vậy, Trung ương đã chi viện 35.000 tấn lương thực để cứu đói, cứu trợ đồng bào. Mặt khác, Khu uỷ, Ủy ban Nhân dân cách mạng Khu đã chủ trương đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, phát động phong trào khai hoang, phục hoá, trồng các loại cây lương thực để giải quyết nạn đói.

Lực lượng vũ trang, công binh Quân khu, du kích xã tình nguyện không sợ hy sinh đã cùng nhiều binh lính kỹ thuật Sài Gòn trước đây tiến hành rà soát, tháo gỡ, thu gom trên 20 tấn bom, mìn, hàng chục ngàn quả lựu đạn địch gài lại trong chiến tranh còn rơi rớt; giải toả, phục hoá trên 17.000 hecta đất canh tác. Hàng trăm ngàn quần chúng đã tham gia làm thủy lợi, đào vét 33 kênh mương dài 74,7 km, các hồ chứa nước tưới tiêu cho 5.390 hecta ruộng làm 2 vụ, xả rửa phèn cho đồng ruộng, tạo điều kiện tăng vụ lúa trong năm. Phong trào làm thủy lợi đã diễn ra sôi nổi ở Vĩnh Cửu, Xuân Lộc, Long Thành, Nhơn Trạch, thành phố Biên Hoà. Đến tháng 9-1975, riêng thành phố Biên Hoà đã gieo cấy được 10.000 hecta lúa. Ban Nông nghiệp Khu miền Đông, Ban Nông nghiệp các tỉnh đã tiến hành nhiều biện pháp tích cực như điều tra thổ nhưỡng, phân loại hạng đất, thống kê ruộng đất của địa chủ, tư sản mại bản, đất vắng chủ để giúp chính quyền điều chỉnh ruộng đất ở nông thôn; tiến hành quy hoạch các loại đất trồng cây lương thực, cây công nghiệp. Nhờ vậy, trong năm 1975, trên địa bàn các tỉnh Biên Hoà, Bà Rịa – Long Khánh, Tân Phú nhân dân đã gieo trồng được 108.850 hecta cây lương thực (trong đó có 60.963 hecta lúa).

Để giải quyết nạn thất nghiệp, giảm áp lực dân số ở thành phố, Ủy ban quân quản các tỉnh đã tuyên truyền, vận động, kêu gọi nhân dân ở thành phố chưa có việc làm trở về quê cũ lao động. Chính quyền hỗ trợ phương tiện, kinh phí, cây giống và tạo mọi điều kiện cho nhân dân sản xuất. Ngay tháng đầu tiên sau giải phóng, chính quyền cách mạng đã đưa được 200.000 lao động từ thành phố về quê cũ lập nghiệp. Hơn 400.000 người dân thành phố Biên Hoà, Vũng Tàu đi xây dựng vùng kinh tế mới ở khu vực Xuyên Mộc, tây liên tỉnh lộ số 2, tây lộ số 15, đông tây lộ số 1.

Tháng 8-1975, Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao Động Việt Nam (khoá III) họp đã đề ra nhiệm vụ:

1. Xây dựng chính quyền cách mạng của nhân dân ở các cấp để nhanh chóng ổn định chính trị và trật tự xã hội, ổn định đời sống nhân dân, bảo vệ thành quả cách mạng, đủ sức làm nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

2. Trấn áp bọn phản cách mạng.

3. Xoá bỏ giai cấp tư sản mại bản và các tàn dư của giai cấp địa chủ phong kiến.

4. Khôi phục và phát triển sản xuất, giải quyết nạn thất nghiệp do chế độ cũ để lại.

5. Giải quyết tốt các vấn đề lưu thông, tín dụng, tài chính, ngân hàng, tiền tệ.

6. Phát triển văn hoá, giáo dục, y tế, xã hội.

7. Tăng cường công tác xây dựng Đảng.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 24 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Khu uỷ miền Đông và Ủy ban nhân dân cách mạng miền Đông đã chỉ đạo Ủy ban quân quản các tỉnh Biên Hoà, Bà Rịa – Long Khánh, Tân Phú, thành phố Biên Hoà, thị xã Vũng Tàu thực hiện nhiệm vụ xoá bỏ giai cấp tư sản mại bản (với tên gọi chiến dịch X2) và thu đổi tiền (chiến dịch X3). Cả hai chiến dịch đều được chuẩn bị chu đáo, an toàn và diễn ra trong thời gian ngắn theo chỉ đạo của Trung ương Cục. Thành phố Biên Hoà được chọn làm trọng điểm thực hiện hai chiến dịch.

Ngày 10-9-1975, Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam ra tuyên bố về một số chính sách nhằm khôi phục và phát triển công thương nghiệp, bài trừ hành động lũng đoạn, đầu cơ, phá rối thị trường của giai cấp tư sản mại bản ở miền Nam. Nội dung chính sách là Nhà nước cách mạng, một mặt, ra sức xây dựng và tăng cường lực lượng quốc doanh trong các ngành kinh tế làm cơ sở vững chắc đẩy mạnh sản xuất, mở rộng lưu thông, phân phối. Mặt khác, khuyến khích và giúp đỡ các nhà tư sản dân tộc kinh doanh vừa có lợi cho mình, vừa có lợi cho quốc kế dân sinh, đồng thời kiên quyết trừng trị bọn tư sản mại bản lũng đoạn thị trường, gây ảnh hưởng xấu đến sản xuất và đời sống nhân dân.

Rạng sáng ngày 11-9-1975, chiến dịch X2 được bắt đầu. Các Ủy ban quân quản ra lệnh giới nghiêm từ 22 giờ ngày 10-9 đến 4 giờ sáng ngày 11-9. Toàn bộ tài sản, hàng hoá của 7 đối tượng tư sản mại bản ở thành phố Biên Hoà đều bị niêm phong, kiểm kê, thu về cho ngân sách Nhà nước một lượng lớn tài sản<sup>(4)</sup>. Các đối tượng tư sản được đưa đi giáo dục cải tạo. Ngày 12-9-1975, Ủy ban quân quản thành phố Biên Hoà tổ chức nhiều lớp học cho 800 tư sản thương nghiệp. Mục đích, nội dung các lớp học là giúp cho họ hiểu rõ về chính sách, chủ trương của Đảng, Nhà nước về phát triển nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, kêu gọi họ tích cực hoạt động góp phần ổn định đời sống kinh tế, đáp ứng yêu cầu sinh hoạt, tiêu dùng của nhân dân. Công tác cải tạo tư sản mại bản được Đảng bộ tỉnh thực hiện một cách nghiêm túc theo tinh thần chỉ đạo của trên. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện ta chưa đánh giá đúng thành phần và đối tượng cải tạo, còn để thất thoát tài sản. Sau đó, Tỉnh uỷ đã tiến hành nhiều cuộc họp và xác định tỉnh không có đối tượng tư sản mại bản nên đã chỉ đạo khắc phục nhược điểm và trả lại tài sản.

Thực hiện Chỉ thị 01/TĐ của Ban thu đổi tiền Trung ương, với mục đích xây dựng nền tiền tệ độc lập, tự chủ, góp phần ổn định mọi sinh hoạt bình thường trong đời sống kinh tế, xã hội miền Nam; bảo vệ tài sản công dân và Nhà nước, ngăn chặn không cho sử dụng tiền cũ để lũng đoạn kinh tế, tài chính, tiền tệ; khắc phục hậu quả lạm phát tiền tệ do địch để lại, thúc đẩy sản xuất, lưu thông... ổn định nâng cao đời sống, song song với chiến dịch xoá bỏ giai cấp tư sản mại bản, Khu uỷ và Ủy ban nhân dân cách mạng miền Đông chỉ đạo chiến dịch thu đổi tiền (chiến dịch X3). Cán bộ được dự các lớp tập huấn và chuẩn bị tốt. Vì vậy, chiến dịch thu đổi tiền đã diễn ra và hoàn thành theo đúng yêu cầu, chỉ đạo của Trung ương.

Chiến dịch thu đổi tiền triển khai trong ngày 22-9-1975 trên toàn miền Nam. Có tổng cộng 750 bàn thu đổi tiền đã được thành lập ở các tỉnh Biên Hoà, Bà Rịa – Long Khánh, Tân Phú, thị xã Vũng Tàu. Tỷ lệ thu đổi 500 đồng tiền miền Nam bằng 1 đồng tiền ngân hàng. Mỗi hộ gia đình được đổi tối đa 100.000 đồng, hộ độc thân được đổi 15.000 đồng, hộ kinh doanh nhỏ được đổi trên 100.000 đồng, hộ kinh doanh lớn được đổi từ 200.000 – 500.000 đồng. Số tiền (Sài Gòn) thu vào: 21.776.649.327 đồng (riêng thành phố Biên Hoà thu: 10.313.667.576 đồng), số tiền ngân hàng quy đổi phát ra: 28.405.309 đồng (thành phố Biên Hoà phát ra 13.683.529 đồng). Số tiền còn lại chuyển vào quỹ tiết kiệm Ngân hàng Nhà nước.

<sup>4</sup> Số tài sản thu được: hơn 22 kg vàng, hơn 86 triệu, hàng quy đổi tiền hơn 80 triệu, bất động sản trên 188 triệu, máy móc trên 18 triệu.

Để góp phần ổn định giá cả, đáp ứng yêu cầu mua bán của nhân dân, ngay sau đổi tiền, ngày 23-9-1975, Ban Vật giá Chính phủ công bố và niêm yết giá 19 mặt hàng thiết yếu trên toàn miền Nam.

Việc đổi tiền mới, bỏ đồng tiền quá mất giá của chính quyền cũ là cần thiết, đáp ứng yêu cầu sinh hoạt và phát triển kinh tế, khắc phục hậu quả nghiêm trọng của nạn lạm phát do chế độ cũ để lại. Tuy nhiên, do tồn tại song song hai loại tiền tệ miền Bắc và tiền ngân hàng miền Nam, do tâm lý sử dụng đồng tiền và nhiều yếu tố khác đã phát sinh tệ đầu cơ đồng tiền miền Bắc. Do đó, ngày 8-11-1975, Thủ tướng Chính phủ đã ra Chỉ thị 353/TTg về việc đổi tiền và chuyển tiền giữa hai miền Nam, Bắc. Tỷ lệ quy đổi là 1 đồng miền Bắc bằng 0,8 đồng miền Nam.

Cùng với việc thực hiện những biện pháp cấp bách nhằm giải quyết nạn thất nghiệp, phân phối, lưu thông, ổn định đời sống, công tác văn hoá, giáo dục, giữ vững an ninh chính trị được chú ý đặc biệt.

Trong lĩnh vực văn hoá, giáo dục cũng có nhiều chuyển biến. Bộ phận văn hoá thông tin, văn nghệ kháng chiến nằm trong Ban Tuyên huấn, nay được tách ra thành các Ty Văn hoá Thông tin trực thuộc các Ủy ban quân quản tỉnh. Các Ty Văn hoá Thông tin các tỉnh Biên Hoà, Bà Rịa – Long Khánh, Tân Phú đã xây dựng trên 10 đội thông tin cổ động gồm một số cán bộ cốt cán từ chiến khu ra, một số thanh niên học sinh hăng hái, nhiệt tình được tuyển dụng. Các đội đi sâu xuống các huyện, xã tuyên truyền chính sách mới của cách mạng, phát động phong trào thu gom các loại văn hoá phẩm có tính chất phản động, đòi truy do chế độ cũ để lại (sách, báo, băng từ).

Trên cơ sở tiếp quản cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị của địch và tuyển thêm người mới, Đài phát thanh giải phóng Biên Hoà đưa thông tin đến quần chúng, giải thích đường lối, chính sách chủ trương của cách mạng, góp phần ổn định tư tưởng nhân dân, chống đầu cơ tích trữ, hướng dẫn dư luận quần chúng trong việc giữ gìn an ninh chính trị, trật tự xã hội và sản xuất.

Sở Giáo dục miền Đông, Ban Giáo dục các tỉnh Biên Hoà, Bà Rịa – Long Khánh, Tân Phú đã tổ chức 9 lớp sinh hoạt chính trị dân chủ cho 3.747 giáo viên, tập huấn nghiệp vụ, định hướng chương trình, nội dung giảng dạy mới cho 3.292 giáo viên, khôi phục 30 trường trung học công lập, 20 trường trung học tư thục, chuẩn bị khai giảng năm học đầu tiên sau ngày giải phóng (riêng thành phố Biên Hoà xây dựng được 95 phòng học cấp I).

Ngày 21-9-1975, theo chỉ đạo của Bộ Giáo dục, Ban Giáo dục các tỉnh đã tổ chức kỳ thi tốt nghiệp phổ thông trung học (tốt nghiệp cấp III hay tú tài) đầu tiên dưới chính quyền cách mạng niên khoá 1974–1975. Tổng cộng có 3.199 học sinh đăng ký dự thi (Vũng Tàu có 415 học sinh, Bà Rịa có 500 học sinh, Biên Hoà có 2.268 học sinh, Tân Phú có 16 học sinh).

Chuẩn bị cho năm học mới, Sở Giáo dục miền Đông đã tổ chức lớp đào tạo cấp tốc giáo viên cấp I để đáp ứng yêu cầu phát triển trường lớp trong năm học đầu tiên sau giải phóng. Ngày 19-10-1975, năm học đầu tiên dưới chế độ cách mạng được tổ chức trọng

thể ở 3 cấp học: tiểu học cơ sở, trung học cơ sở và phổ thông trung học. Toàn tỉnh (Biên Hoà, Bà Rịa – Long Khánh, Tân Phú) có 480 trường 3 cấp với 189.614 học sinh và 4.730 giáo viên.

Biên Hoà nguyên là trung tâm đầu não của địch ở miền Đông Nam Bộ, là cửa ngõ, là đầu mối giao thông đường thuỷ, đường bộ, đường sắt, giáp ranh với Thành phố Hồ Chí Minh, tiếp nối với đồng bằng sông Cửu Long, với các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Địa hình có rừng núi, là nơi tập trung một lực lượng lớn nguy quân, nguy quyền. Do đó, ngay từ sau ngày giải phóng, địch đã thực hiện chính sách hậu chiến tranh, lợi dụng địa hình, kích động những phần tử phản động để chống phá cách mạng. Chúng lập ra nhiều tổ chức phản động với âm mưu lật đổ chính quyền cách mạng, phá hoại công cuộc xây dựng chế độ mới của ta. Với tinh thần cảnh giác cách mạng cao, được quần chúng phát hiện, lực lượng an ninh Khu miền Đông và Biên Hoà đã phá vỡ nhiều tổ chức, mạng lưới tình báo do địch cài lại. Tổ chức phản động “Mặt trận quốc gia Việt Nam” do Phan Huy Quát, nguyên Thủ tướng ngụy Sài Gòn cầm đầu đã bị đập tan. Nhóm tàn quân với danh xưng “Bộ chỉ huy lực lượng dân quân vũ trang phục quốc” do Trần Học Hiệu cầm đầu bị phá vỡ. Hiệu và nhiều đồng bọn bị đưa ra xét xử trước Toà án nhân dân. Các lực lượng vũ trang, an ninh, tự vệ phát động quần chúng truy bắt nhiều tên tội phạm hình sự, bọn lưu manh chuyên nghiệp, gái mại dâm, xì ke, ma tuý, góp phần làm trong sạch xã hội, bảo vệ cuộc sống bình yên và tài sản của nhân dân.

Đến cuối năm 1975, tình hình kinh tế - xã hội tương đối ổn định, từng bước khôi phục sản xuất, thực hiện chính sách hoà hợp, hoà giải dân tộc, ổn định tư tưởng trong các tầng lớp nhân dân. Theo chỉ đạo của Trung ương Cục miền Nam, các Ủy ban quân quản các tỉnh, huyện đã hoàn thành nhiệm vụ. Đảng bộ các tỉnh Biên Hoà, Bà Rịa – Long Khánh, Tân Phú đã có nhiều nỗ lực để kiện toàn bộ máy, vừa làm, vừa học và thực hiện tốt nhiệm vụ do Trung ương, Trung ương Cục miền Nam giao. Chính quyền cách mạng ở cấp cơ sở ngày càng được củng cố. Thắng lợi bước đầu này là tiền đề và kinh nghiệm để Đảng bộ Đồng Nai tiếp tục phát huy trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Tháng 11-1975, thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương Cục miền Nam, Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam, các Ủy ban quân quản tỉnh, huyện giải thể để thành lập Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước, tiếp tục chỉ đạo việc khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội.

Cũng trong tháng 11-1975, đã diễn ra một sự kiện chính trị quan trọng của đất nước. Từ ngày 15 đến 21-11-1975, Hội nghị Hiệp thương chính trị của hai đoàn đại biểu Nam – Bắc đã họp tại Sài Gòn<sup>(5)</sup>. Hội nghị đã thông qua *Thông cáo chung* khẳng định nước Việt Nam, dân tộc Việt Nam đã chuyển sang giai đoạn mới, giai đoạn cả nước cùng làm cách mạng xã hội chủ nghĩa, vì vậy “*cần hoàn thành thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đó là sự thống nhất trọn vẹn và vững chắc nhất*”. Hội nghị nhất trí cần tổ chức cuộc Tổng tuyển cử trong cả nước để bầu ra Quốc hội chung cho cả nước.

<sup>5</sup> Đoàn đại biểu miền Bắc do đồng chí Trường Chinh làm Trưởng đoàn. Đoàn đại biểu miền Nam do đồng chí Phạm Hùng làm Trưởng đoàn.

## 2. Thành lập Đảng bộ tỉnh Đồng Nai

Nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, Nghị quyết Hội nghị lần thứ 24 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đề ra chế độ quản lý hành chính theo bốn cấp: Trung ương, tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương, huyện và xã. Để bảo đảm thống nhất sự lãnh đạo sát với tình hình thực tế ở miền Nam, các Bộ, Ủy ban, Tổng cục, các Ban ở Trung ương phải nắm chắc tình hình của ngành mình, thực hiện chức năng chỉ đạo thực hiện về quản lý ngành, báo cáo và xin chỉ thị một cách nghiêm túc đối với Trung ương Đảng và Chính phủ. Giải thể Trung ương Cục miền Nam, giải thể các Khu uỷ ở cả hai miền, đồng thời, thành lập Ban Đại diện Trung ương Đảng và Chính phủ ở miền Nam, một hình thức tổ chức làm việc để thực hiện sự chỉ đạo tại chỗ của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Chính phủ. Hợp nhất các tỉnh thành những đơn vị hành chính – kinh tế với quy mô cần thiết<sup>(6)</sup>.

Thực hiện Nghị quyết 24 của Trung ương Đảng, ngày 20-9-1975, Trung ương Cục miền Nam đã ra Nghị quyết 16/TƯC nhằm quán triệt tình hình, nhiệm vụ mới ở miền Nam và sớm đi đến thống nhất quản lý Nhà nước.

Đầu tháng 1-1976, Trung ương ra quyết định thành lập tỉnh Đồng Nai trên cơ sở sáp nhập ba tỉnh: Biên Hoà, Bà Rịa – Long Khánh, Tân Phú. Tỉnh Đồng Nai có diện tích 8.360 km<sup>2</sup>, giáp các tỉnh Sông Bé, Thuận Hải, Lâm Đồng và Thành phố Hồ Chí Minh. Đồng Nai bao gồm thành phố Biên Hoà là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội của tỉnh và các huyện: Vĩnh Cửu, Thống Nhất, Long Thành, Long Đất, Châu Thành, Xuân Lộc, Tân Phú, Duyên Hải, thị xã Vũng Tàu. Dân số toàn tỉnh là 1.223.683 người gồm 19 dân tộc (theo số liệu năm 1976), trong đó dân tộc Kinh chiếm 92,8%. Ngày 30-4-1976, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Đồng Nai ra Nghị quyết 06 thành lập huyện Xuyên Mộc tách ra từ huyện Long Đất. Ngày 29-12-1976, tại kỳ họp thứ 4 Quốc hội khoá VI đã quyết định cắt huyện Duyên Hải nhập về Thành phố Hồ Chí Minh (nay gọi là huyện Cần Giờ).

Ngày 6-1-1976, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra quyết định chỉ định Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh Đồng Nai gồm có 39 uỷ viên chính thức và 5 uỷ viên dự khuyết. Ban Thường vụ gồm có 11 đồng chí. Đồng chí Lê Quang Chử được chỉ định là Bí thư Tỉnh uỷ, các đồng chí Phạm Văn Hy, Nguyễn Văn Lá (Sáu Trung) là Phó Bí thư Tỉnh uỷ.

Các Ban trực thuộc Tỉnh uỷ được thành lập gồm Ban Tổ chức, Ban Tuyên huấn, Ban Kiểm tra, Ban Nội chính, Ban Kinh tế, Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng<sup>(7)</sup>, Báo Đồng Nai, Đài phát thanh Đồng Nai.

Các Ban tham mưu cho Uỷ ban nhân dân tỉnh thống nhất gọi là Ty, gồm có các Ty: Giáo dục, Văn hoá Thông tin, Công nghiệp, Nông nghiệp, Lâm nghiệp, Thủy sản, Thương nghiệp, Thủy lợi, Thương binh Lao động, Y tế, Giao thông Vận tải, Lương

<sup>6</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, T.36, Nxb Chính trị Quốc gia, HN. 2004, tr.430–431.

<sup>7</sup> Ban Kinh tế Tỉnh uỷ thành lập ngày 23-6-1976 theo Quyết định 101/NQBTV; Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng trực thuộc Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, thành lập theo Nghị quyết 09/Tỉnh uỷ ngày 22-6-1976.

thực, Tài chính. Các đơn vị ngang Ty có Ủy ban Kế hoạch, Ủy ban Vật giá, Ban Cải tạo Công Thương nghiệp...

Đảng bộ Đồng Nai gồm 10 Đảng bộ huyện, thị, thành phố Biên Hoà và các Đảng bộ trực thuộc gồm: Đảng bộ Liên cơ Dân - Chính - Đảng<sup>(8)</sup>, Đảng bộ Khu Công nghiệp Biên Hoà<sup>(9)</sup>, Đảng bộ Công ty Cao su, Đảng bộ Công an, Đảng bộ Quân sự, Đảng bộ Trường Bồi túc văn hoá, Đảng bộ Trường Kỹ thuật Tân Mai, Đảng bộ Trường Du lịch (Vũng Tàu). Toàn Đảng bộ có 231 chi, Đảng bộ cơ sở với 1.482 đảng viên, chiếm tỷ lệ 0,01% tổng dân số.

Các tổ chức thuộc khối vận, các đoàn thể cách mạng được chỉ định thành lập gồm: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh (đồng chí Nguyễn Thành Long làm Chủ tịch), Công đoàn (đồng chí Nguyễn Thị Minh làm Chủ tịch), Hội Phụ nữ (đồng chí Nguyễn Thị Bạch Tuyết làm Chủ tịch), Đoàn Thanh niên (đồng chí Nguyễn Việt Nhân làm Bí thư), Hội Nông dân tập thể (đồng chí Nguyễn Văn Nghiệp làm Thư ký).

Tỉnh uỷ, Ủy ban nhân dân tỉnh, các đoàn thể cách mạng của tỉnh Đồng Nai được thành lập, tạo thành một hệ thống chuyên chính cách mạng hoàn chỉnh. Tỉnh Đồng Nai trong kháng chiến chống Mỹ, nhiều lần tách, nhập theo yêu cầu của kháng chiến nhưng vẫn là một chiến trường. Hầu hết cán bộ, đảng viên, trước đây đã cùng nhau chiến đấu, hiểu biết lẫn nhau, nay cùng sinh hoạt trong một Đảng bộ, cùng đoàn kết gắn bó, đó là điều kiện thuận lợi để tạo nên sức mạnh tổng hợp trong lãnh đạo nhiệm vụ mới của cách mạng: xây dựng và phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội ở địa phương.

Để cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội giành thắng lợi và thực sự là cuộc vận động có ý nghĩa chính trị rộng lớn, ngày 3-1-1976, Bộ Chính trị ra *Chỉ thị về việc lãnh đạo Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung của cả nước*. Chỉ thị khẳng định ý nghĩa và tầm quan trọng của cuộc Tổng tuyển cử: “Đây là một cuộc biểu dương lực lượng đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc, là cuộc biểu dương lực lượng chính trị quan trọng của toàn dân dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, nhằm xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa”. Vì vậy, phải đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục sâu rộng lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội trong quần chúng nhân dân. Bộ Chính trị yêu cầu các cấp uỷ Đảng, toàn thể đảng viên phải coi việc chuẩn bị bầu cử Quốc hội và lãnh đạo cuộc bầu cử trong cả nước là một nhiệm vụ hàng đầu cho đến hết tháng 4-1976. Thực hiện Chỉ thị của Bộ Chính trị, từ tháng 2-1976, công tác tuyên truyền vận động nhân dân được triển khai trong cả nước.

Đảng bộ Đồng Nai sau khi thành lập đã triển khai ngay kế hoạch chỉ đạo chuẩn bị bầu cử Quốc hội thống nhất. Tỉnh uỷ đã huy động 200 cán bộ tham dự các lớp tập huấn từ 2 đến 5 ngày về công tác thông tin, tuyên truyền cho ngày bầu cử Quốc hội thống nhất. Đồng thời, Tỉnh uỷ chỉ đạo các huyện, thị, thành phố Biên Hoà triển khai công tác điều tra dân số, lập các biểu mẫu, chuẩn bị danh sách và thẻ cử tri cho ngày hội bầu cử, triển khai công tác an ninh chặt chẽ đảm bảo cuộc bầu cử thành công. Mặt trận Tổ quốc các cấp đã tổ chức hiệp thương dân chủ giới thiệu các đại biểu ưu tú vào danh sách ứng cử

<sup>8</sup> Đảng uỷ Liên cơ Dân - Chính - Đảng thành lập ngày 27-5-1976 theo Quyết định 170 của Thường vụ Tỉnh uỷ Đồng Nai.

<sup>9</sup> Đảng uỷ Khu Công nghiệp Biên Hoà thành lập theo Nghị quyết 78/TVTU.



Quốc hội ở đơn vị tỉnh. Theo số liệu điều tra dân số, đến ngày 31-3-1976, toàn tỉnh Đồng Nai có 1.223.683 dân, trong đó có 41.788 người là đồng bào dân tộc thiểu số. Tính đến trước ngày bầu cử, qua hệ thống thông tin đại chúng (báo, đài) và tuyên truyền trực tiếp ở cơ sở, toàn tỉnh Đồng Nai có 1.200.000 lượt quần chúng và 600.000 cử tri được học tập về ý nghĩa, mục đích và luật bầu cử. Trong đó, có 80.000 người là công chức, binh lính Sài Gòn được trả quyền công dân tham gia cuộc bầu cử.

Sáng ngày 25-4-1976, trên toàn tỉnh Đồng Nai, từ thành thị đến nông thôn rực rỡ cờ đỏ sao vàng chào đón sự kiện chính trị trọng đại. Đúng 30 năm kể từ ngày bầu cử Quốc hội đầu tiên (6-1-1946), nhân dân Đồng Nai lại được cầm lá phiếu tự do bầu những đại biểu có đức, có tài của tỉnh vào Quốc hội thống nhất đầu tiên của đất nước độc lập. Cuộc bầu cử diễn ra trong không khí phấn khởi, đảm bảo an ninh. Tính đến 19 giờ cùng ngày 25-4-1976, toàn tỉnh Đồng Nai có 97% cử tri đi bầu cử, trong đó cử tri ở vùng đồng bào có đạo Công giáo chiếm trên 90%. 13 đại biểu của tỉnh Đồng Nai đã trúng cử vào Quốc hội nước Việt Nam thống nhất và chủ nghĩa xã hội.

Thắng lợi của cuộc bầu cử Quốc hội thống nhất ở Đồng Nai thể hiện tinh thần, ý chí và nguyện vọng của toàn Đảng bộ và nhân dân Đồng Nai về một nước Việt Nam độc lập, thống nhất và đi lên chủ nghĩa xã hội, con đường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh và nhân dân ta đã chọn lựa từ năm 1930.

Từ ngày 24-6 đến ngày 2-7-1976, Quốc hội nước Việt Nam thống nhất đã họp kỳ thứ nhất tại Hà Nội. Quốc hội tuyên bố nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới là: “Hoàn thành thống nhất nước nhà, đưa cả nước tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội, miền Bắc phải tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, miền Nam phải đồng thời cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội”. Quốc hội quyết định lấy tên nước là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Ngày 20-1-1976, Bộ Chính trị ra Chỉ thị về một số chủ trương về công tác cấp bách ở miền Nam. Chỉ thị nêu rõ: công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa phải được tiến hành từng bước vững chắc. Trước mắt, để giải quyết những khó khăn trong kinh tế, mau chóng ổn định đời sống nhân dân, thì vấn đề cơ bản là phải đẩy mạnh sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp; ra sức khôi phục và phát triển kinh tế; tập trung sức làm thật tốt công tác lương thực; thống nhất quản lý thu chi tài chính, tiến hành tốt việc kiểm kê tài sản trong khu vực kinh tế quốc doanh và cơ quan Nhà nước.

Thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị, trong năm 1976, trên mặt trận nông nghiệp, các tổ chức đoàn thể quần chúng và nhân dân Đồng Nai tham gia gần 2 triệu ngày công làm thủy lợi, đào đắp 175 km kênh mương, sửa chữa và làm mới 18 công trình lớn nhỏ, tưới cho 18.000 hecta. Diện tích vụ Đông – Xuân và Hè – Thu mở rộng hơn 12.000 hecta. Khai hoang và đưa vào sản xuất 25.000 hecta. Diện tích gieo trồng, năng suất và tổng sản lượng lương thực đều tăng. So với năm 1975, năm 1976, diện tích sản xuất tăng 46.000 hecta (tăng 69%), sản lượng lương thực tăng 83.000 tấn (tăng 66%). Bình quân lương thực đầu người được 125kg/năm, tăng 33 kg so với năm 1975. Diện tích sản xuất

cây công nghiệp ngắn ngày như đậu phộng, đậu nành đạt 21.861 hecta (bằng 145,6% năm 1975).

Kết hợp với đẩy mạnh sản xuất, việc phân bố lại lao động đã được tiến hành từng bước. Năm 1976, toàn tỉnh đã đưa 3,3 vạn người ở các thành phố, thị xã, các vùng có mật độ dân đông và đón nhận 5,2 vạn người ở Thành phố Hồ Chí Minh đi xây dựng vùng kinh tế mới và giúp đỡ cho hàng vạn người trở về quê cũ làm ăn.

Để xoá bỏ triệt để tàn dư của chế độ thực dân, phong kiến về ruộng đất<sup>(10)</sup>, quốc hữu hoá đồn điền của tư bản nước ngoài, tịch thu đồn điền, ruộng đất của tư sản mại bản và các địa chủ phản quốc, địa chủ chạy ra nước ngoài, trung thu đồn điền của địa chủ đã bỏ kinh doanh trong nhiều năm, vận động địa chủ thường hiến ruộng, trung mua ruộng của giáo hội, Đảng bộ, chính quyền tỉnh Đồng Nai đã triển khai thực hiện chính sách về ruộng đất. Trong năm 1976, ta đã chia gần 25.000 hecta cho nông dân không có ruộng hoặc thiếu ruộng, vận động nông dân vào làm ăn trong các tổ vùn công, đổi công và các hình thức tương trợ hợp tác khác. Đã thành lập được 710 tổ vùn công với trên 1,2 vạn tổ viên.

Cùng với việc tập trung sản xuất lương thực, việc khôi phục và phát triển cây cao su được chú ý. Sau giải phóng 6 tháng thì ngành sản xuất cao su đã căn bản khôi phục sản xuất, giải quyết việc làm cho hơn 10.000 công nhân viên chức. Ngày 2-6-1976, Công ty quốc doanh Cao su Đồng Nai ra đời tiếp thu, quản lý những đồn điền cao su từ Công ty quốc doanh Cao su miền Đông. Công ty có diện tích 31.934 hecta với trên 6.000 công nhân. Năm 1976, diện tích khai thác cao su tăng gần 19.000 hecta, tăng 9% so với năm 1975. Diện tích trồng mới được 2.096 hecta, tổng sản lượng vượt kế hoạch 3,5%. Giá trị tổng sản lượng năm 1976 bằng 174% so với năm 1975.

Nền sản xuất công nghiệp (bao gồm công nghiệp trung ương và công nghiệp địa phương) đều được khôi phục và phát triển. Trước giải phóng, Khu Kỹ nghệ Biên Hoà chỉ có 46 xí nghiệp hoạt động. Đầu năm 1976, sau khi bàn giao Khu Kỹ nghệ Biên Hoà cho Trung ương, Đồng Nai được phân cấp quản lý 46 xí nghiệp sản xuất công nghiệp. Thiết bị của các nhà máy hầu hết đều lạc hậu, sản xuất phụ thuộc vào nguyên vật liệu nhập từ nước ngoài. Ngành cơ khí chỉ làm được nhiệm vụ sửa chữa nhỏ, năng lực yếu, chỉ có một cơ sở công nghiệp đúng nghĩa duy nhất là Nhà máy Gõ Tân Mai. Các cơ sở tiểu thủ công nghiệp hầu hết tập trung ở khu vực các thị trấn, thị xã, chưa gắn được với sản xuất nông nghiệp và các vùng nguyên liệu. Vì vậy, đối với ngành công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, hàng loạt vấn đề đặt ra cần phải giải quyết để phát triển: sắp xếp cơ cấu ngành để phát huy hiệu quả và năng lực sản xuất, cung ứng vật tư nguyên liệu cho sản xuất, đào tạo lao động mới, xây dựng cơ sở mới để phát triển kinh tế địa phương.

Đến cuối năm 1976, đã có 58 xí nghiệp sản xuất và hàng ngàn cơ sở tiểu, thủ công nghiệp đã được khôi phục và xây dựng thêm. Toàn tỉnh có 92 cơ sở xí nghiệp quốc doanh, 21 cơ sở công ty hợp doanh, 36 điểm làm ăn tập thể về may mặc và nhiều tổ hợp

<sup>10</sup> Nghị quyết Hội nghị lần thứ 24 ngày 29-9-1975 và Nghị quyết số 254 của Bộ Chính trị ra ngày 15-7-1976.

thủ công nghiệp. Đối với những nhà sản xuất tư nhân, ta cải tạo họ, hướng họ đi vào kinh doanh có kế hoạch, nhận gia công mặt hàng cho Nhà nước nhằm phục vụ cho xây dựng và đời sống nhân dân. Trong năm 1976 đã có 30 nhà máy hoàn thành vượt mức kế hoạch từ 11% đến 40–50%. Còn phần lớn nhà máy không đủ nguyên vật liệu sản xuất nên không đạt chỉ tiêu kế hoạch. Do đó, tổng giá trị sản lượng cả năm chỉ đạt 65,9% kế hoạch.

Trong các xí nghiệp quốc doanh, vai trò làm chủ của công nhân được chú ý phát huy với ý thức dám nghĩ, dám làm, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, khắc phục khó khăn về thiếu nguyên vật liệu để đẩy mạnh sản xuất. Đối với các xí nghiệp tư nhân đã chú ý phát động công nhân để từng bước hướng chủ xí nghiệp đi vào cải tạo xã hội chủ nghĩa.

Việc khôi phục và phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đã sản xuất được một số mặt hàng tiêu dùng cho nhân dân, phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, một số ngành khác và xuất khẩu. Giải quyết công ăn việc làm cho hàng vạn người. Đời sống công nhân từng bước được ổn định về lương, nhiều xí nghiệp đã tổ chức bữa ăn trưa hoặc bồi dưỡng cho công nhân làm ca ba. Một số xí nghiệp đã tổ chức được nhà trẻ, lớp mẫu giáo cho con em công nhân.

Để tăng cường lực lượng giữ vững an ninh, tháng 1-1976, Ty Công an tỉnh Đồng Nai được thành lập với cơ cấu tổ chức gồm 15 phòng, trại, đội trực thuộc, có tổng số 834 cán bộ, chiến sĩ. Ngay sau khi được thành lập, Ty Công an cùng với lực lượng vũ trang tỉnh mở hai đợt truy quét cao điểm vào các khu vực rừng, ven thành phố, thị trấn, bắt nhiều tội phạm chính trị, phá vỡ nhiều tổ chức nhen nhóm hoạt động chống phá cách mạng, phát động quần chúng nhân dân tham gia bảo vệ an ninh chính trị, trật tự xã hội. Trong hai đợt cao điểm của năm 1976, Công an tỉnh đã bắt 876 tên tội phạm chính trị, 34 tàn quân, 525 tên tội phạm hình sự, thu được 82 súng các loại, 2 hoả tiễn M72 và nhiều loại vũ khí khác. Đặc biệt, lực lượng an ninh đã bảo vệ an toàn nhiều hoạt động kỷ niệm các sự kiện chính trị và cuộc bầu cử Quốc hội ngày 25-4-1976. Đến cuối năm 1976, lực lượng an ninh toàn tỉnh đã phát triển đến 2.366 cán bộ, chiến sĩ.

Công tác xoá nạn mù chữ và bổ túc văn hoá được đẩy mạnh nhằm nhanh chóng xoá bỏ tình trạng lạc hậu do chính sách ngu dân và nô dịch của chế độ phản động Mỹ – nguy đề lại.

Ngày 17-6-1975, Ban Bí thư ra Chỉ thị số 221 về công tác giáo dục ở miền Nam sau ngày giải phóng, yêu cầu phải hoàn thành nhiệm vụ xoá nạn mù chữ trong thời gian 2 năm. Thực hiện Chỉ thị của Ban Bí thư, Đảng bộ đã chỉ đạo phát triển công tác giáo dục ở tất cả các ngành học. Mẫu giáo, phổ thông, xoá nạn mù chữ, bổ túc văn hoá, đều tăng về số lớp và số học sinh. Công tác xoá nạn mù chữ đạt 61% tổng số người mù chữ. Có một huyện, một thị xã và 50 phường, xã được công nhận xoá nạn mù chữ.

Việc chăm lo sức khoẻ cho nhân dân, công tác bảo vệ bà mẹ và trẻ em đều có tiến bộ. Đã xây dựng các trạm xá, nhà hộ sinh ở các phường, xã.

Năm 1976, tỉnh thành lập Phòng Bảo tồn bảo tàng (thuộc Ty Văn hoá Thông tin) nhằm sưu tầm, lưu giữ những di vật, hiện vật truyền thống lịch sử, văn hoá của địa

phương, làm cơ sở cho việc xây dựng Nhà Bảo tàng tỉnh sau này. Thành phố Biên Hoà, huyện Châu Thành đã xây dựng được nhà truyền thống của huyện.

Báo *Đồng Nai* – cơ quan ngôn luận của Đảng bộ và nhân dân Đồng Nai được xuất bản năm 1976. Đảng bộ vừa xây dựng cơ sở vật chất, vừa đào tạo đội ngũ phóng viên, biên tập viên đảm bảo việc thông tin kịp thời các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tuyên truyền những thành tựu đạt được trên tất cả các lĩnh vực.

Đến cuối năm 1976, khi đã đạt được những kết quả nhất định trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, xã hội, Đảng bộ Đồng Nai tiến hành Đại hội đại biểu lần thứ nhất.

### **3. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ nhất**

Ngày 20-10-1976, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Đồng Nai thành lập Ban Tổ chức Đại hội (theo Thông báo số 356/TVTU) gồm 10 đồng chí<sup>(11)</sup> do đồng chí Phạm Văn Hy, Phó Bí thư Tỉnh uỷ làm Trưởng Ban; đồng chí Lê Nhị Thành (Tám Hà), uỷ viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ làm Phó Ban; đồng chí Lê Quang Thành, uỷ viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ làm Phó Ban. Ban có nhiệm vụ chuẩn bị công tác tổ chức, nội dung Đại hội và chỉ đạo trực tiếp Đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội Đảng bộ tỉnh.

Để tiến tới Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ nhất, Tỉnh uỷ lâm thời tỉnh Đồng Nai chỉ đạo tổ chức Đại hội đảng viên cơ sở (từ ngày 19 đến 27-10-1976) và Đại hội các Đảng bộ huyện, thị xã, thành phố và các Đảng bộ trực thuộc (từ ngày 28-10 đến 3-11-1976). Trong chỉ đạo, Tỉnh uỷ Đồng Nai xác định Đại hội đảng viên cơ sở, Đại hội chi bộ, Đảng bộ cơ sở là một đợt sinh hoạt chính trị quan trọng, lần đầu tiên tổ chức sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng. Đảng viên, các cấp chi uỷ, Đảng uỷ cần phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu, phát huy trí tuệ thảo luận, đóng góp ý kiến cho dự thảo Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương trình Đại hội IV, của Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh trình Đại hội Đảng bộ lần thứ nhất, đề ra nhiệm vụ của cấp mình, bầu Ban Chấp hành Huyện uỷ, Thành uỷ, Đảng uỷ và bầu đại biểu tham dự Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ nhất.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ nhất (vòng 1) tiến hành từ ngày 11 đến 21-11-1976 tại thành phố Biên Hoà. Tham dự có 420 đại biểu chính thức gồm 367 đại biểu nam, 52 đại biểu nữ, có 11 đại biểu dân tộc thiểu số, đại diện cho 6.810 đảng viên của 17 Đảng bộ huyện, thành phố, 7 Đảng bộ trực thuộc và 509 chi bộ, Đảng bộ cơ sở.

Đại hội tiến hành đánh giá, kiểm điểm những thành tựu đạt được về các mặt sau một năm cải tạo và xây dựng, biểu dương những đóng góp của quân dân Đồng Nai qua một năm khắc phục những hậu quả chiến tranh, ổn định tình hình và phát triển sản xuất. Đại hội nhấn mạnh những thành tựu nổi bật trên các lĩnh vực: *“Nhân dân trong tỉnh đã nêu cao vai trò làm chủ tập thể, ra sức xây dựng chính quyền cách mạng, giữ vững an ninh chính trị xã hội, khôi phục sản xuất nông nghiệp, trọng tâm là đẩy mạnh sản xuất lương*

---

<sup>11</sup> Ban Tổ chức Đại hội gồm các đồng chí: Phạm Văn Hy, Lê Nhị Thành (Tám Hà), Lê Quang Thành, Nguyễn Thị Bạch Tuyết, Nguyễn Đăng Mai, Nguyễn Hoàng Vân, Nguyễn Hoan, Nguyễn Hoàng Nam, Lê Đức Sanh, Lê Tư Huyền.

*thực. Từng bước giải quyết nạn thất nghiệp do chế độ cũ để lại, giảm bớt những khó khăn, cải thiện đời sống nhân dân”. Các hoạt động văn hoá, giáo dục, y tế, xã hội, chăm lo đời sống tinh thần, sức khoẻ của nhân dân đạt những kết quả nhất định. Trạm xá y tế phát triển khắp các xã. Hệ thống báo, đài phát thanh, thư viện góp phần làm cho nhân dân hiểu rõ đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, xây dựng nếp sống mới.*

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ I (1976–1978) gồm 41 người (có 2 uỷ viên dự khuyết). Đồng chí Lê Quang Chử được bầu làm Bí thư Tỉnh uỷ, đồng chí Nguyễn Thị Bạch Tuyết được bầu làm Phó Bí thư Tỉnh uỷ. Ban Thường vụ Tỉnh uỷ gồm 13 đồng chí. Đại hội bầu 13 đồng chí đại biểu đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng họp từ ngày 14 đến ngày 20-12-1976 tại thủ đô Hà Nội. Đại hội đã thông qua Nghị quyết đổi tên Đảng Lao động Việt Nam thành Đảng Cộng sản Việt Nam và các Nghị quyết tán thành Báo cáo chính trị, Báo cáo phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm (1976–1980); Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng; thông qua Điều lệ sửa đổi của Đảng và Nghị quyết chung của Đại hội.

Cống hiến quan trọng của Đại hội IV là đã tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, nêu ra được những bài học kinh nghiệm của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở nước ta, góp phần làm phong phú thêm kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin. Đại hội quyết định đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội là một quyết định đúng đắn, phù hợp với quy luật khách quan của cách mạng, với nguyện vọng của toàn Đảng và toàn dân ta.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng là một sự kiện chính trị trọng đại, một bước phát triển trong sự nghiệp lãnh đạo của Đảng, của cách mạng nước ta. Thắng lợi của Đại hội đã cổ vũ, động viên toàn Đảng, toàn dân bước vào giai đoạn lịch sử để “xây dựng đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn” như Chủ tịch Hồ Chí Minh hằng mong ước.

Sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng, từ ngày 6 đến ngày 10-4-1977 tại thành phố Biên Hoà, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ nhất (vòng 2) đã được tổ chức. Đại hội nhất trí nhận định sau hơn một năm kể từ ngày giải phóng, thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, Đảng bộ Đồng Nai đã lãnh đạo nhân dân khắc phục khó khăn, giành được thắng lợi một số mặt về khôi phục, phát triển kinh tế, văn hoá, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự xã hội, đưa tình hình của tỉnh phát triển hoà nhịp chung với sự phát triển chung của cả nước.

Trên cơ sở Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, điều kiện tự nhiên, xã hội của Đồng Nai và hạn chế còn phải khắc phục như: vấn đề lương thực, công nghiệp gặp nhiều khó khăn về nguyên liệu, phụ tùng thay thế, trong các ngành kinh tế cơ sở quốc doanh còn nhỏ bé, công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa chưa giải quyết được nhiều, tình hình an ninh chính trị và trật tự xã hội còn nhiều phức tạp, đội ngũ cán bộ chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ mới, Đại hội đã đề ra những nhiệm vụ chung là: Nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành

đồng thời 3 cuộc cách mạng (cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hoá, trong đó cách mạng khoa học kỹ thuật là then chốt).

Nhiệm vụ cụ thể trong hai năm (1977–1978) là đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp toàn diện (bao gồm cả nông, lâm, ngư nghiệp), từng bước khẩn trương xây dựng Đồng Nai thành một tỉnh nông – công nghiệp giàu mạnh. Cải tiến công tác phân phối lưu thông; hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thành phần kinh tế tư bản tư doanh; đẩy mạnh cải tạo đối với nông nghiệp; phát triển sự nghiệp văn hoá, giáo dục, y tế, xã hội, từng bước xây dựng nền văn hoá mới, con người mới, quét sạch tàn dư văn hoá nô dịch, thực dân mới; giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội; không ngừng củng cố hệ thống chuyên chính vô sản, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng bộ, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, phát huy hiệu lực của chính quyền.

Đại hội đề ra những chỉ tiêu chủ yếu trong hai năm 1977–1978 là: 760.000 tấn lương thực quy thóc, 200.000 tấn cá, 9 triệu lít nước mắm, 17.000 tấn thịt, 30.000 hecta đất khai hoang đưa vào sản xuất, 15.000 hecta cao su trồng mới, sản lượng cơ khí tăng 6 lần so với năm 1976, 200.000 tấn phân hữu cơ, 25.000 m<sup>3</sup> gỗ, 2 triệu tấm lợp, 2.700 tấn xà phòng.

Trong công tác xây dựng Đảng, xuất phát từ đặc điểm tình hình của một địa phương vừa giải phóng, Đại hội xác định: *“Đi đôi với nâng cao chất lượng, phải phát triển chi bộ ở những nơi chưa có. Những xã, phường, xí nghiệp, nông trường phấn đấu có chi bộ từ 30 đảng viên trở lên. Phấn đấu có chi bộ hoặc tổ Đảng ở các cấp phân xưởng, đội sản xuất”*. Nghị quyết Đại hội đề ra phương hướng, xây dựng Đảng: *“Việc phát triển đảng viên phải thông qua phong trào cách mạng của quần chúng, phải đảm bảo đúng tiêu chuẩn, thủ tục”*.

Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ nhất là sự vận dụng Nghị quyết Đại hội IV của Đảng vào điều kiện cụ thể của tỉnh. Với những kết quả đã đạt được sau gần 2 năm khắc phục hậu quả chiến tranh, Đảng bộ và nhân dân Đồng Nai bước vào thực hiện kế hoạch 5 năm (1976–1980).

## **II. Củng cố tổ chức Đảng, lãnh đạo phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, góp phần bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia (1977–1980)**

### **1. Ổn định, phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội và làm nghĩa vụ quốc tế**

Để cụ thể hoá Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IV về phát triển nông nghiệp, Hội nghị lần thứ 2 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IV) họp tháng 7-1977 bàn về phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp. Hội nghị xác định trong những năm trước mắt, trên mặt trận kinh tế, phải nắm vững nhiệm vụ hàng đầu là phát triển vượt bậc sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp. Trong cả nước phải đẩy lên cao trào lao động sản xuất nhằm đạt ba mục tiêu: Bảo đảm lương thực, thực phẩm cho toàn xã hội, có lương thực dự trữ; cung ứng nguyên liệu cho công nghiệp và tăng nhanh nguồn hàng xuất khẩu. Để đạt được mục tiêu trên, ở miền Nam phải tiến hành cải tạo nông

nghiệp theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xoá bỏ bóc lột, nghèo nàn và lạc hậu, xây dựng cuộc sống mới ở nông thôn.

Ngày 10-9-1977, Bộ Chính trị ra Quyết định thành lập Ban Cải tạo nông nghiệp miền Nam do đồng chí Võ Chí Công, Ủy viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp làm Trưởng Ban. Ngày 26-12-1977, Ban Bí thư ra Chỉ thị số 28 về việc hoàn thành xoá bỏ triệt để tàn tích phong kiến về ruộng đất, phát triển các hình thức tổ chức hợp tác lao động sản xuất, xây dựng huyện trọng điểm và các hợp tác xã thí điểm. Cùng ngày, Ban Bí thư ra Chỉ thị số 29 về chính sách áp dụng ở các hợp tác xã thí điểm ở miền Nam, quy định điều kiện kết nạp xã viên, tập thể hoá tư liệu sản xuất như ruộng đất, vườn cây ăn trái, các loại máy, trâu bò, về cổ phần và cách phân phối trong hợp tác xã.

Thực hiện chủ trương của Trung ương và những mục tiêu của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ nhất, Tỉnh uỷ Đồng Nai đã tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp. Năm 1977, huyện Long Thành được Trung ương chọn làm điểm về cải tạo nông nghiệp theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Huyện uỷ Long Thành chọn ấp Đất Mới (xã Long Phước) với quy mô từ 250 đến 300 hecta để xây dựng phong trào hợp tác hoá nông nghiệp. Hai năm 1977–1978, cả tỉnh đã huy động được 2 triệu ngày công hoàn thành 78 công trình thuỷ lợi vừa và nhỏ, bảo đảm nước tưới cho 8.730 hecta. Bước đầu đưa giống mới vào sản xuất, tăng vụ lúa Đông – Xuân, khai hoang phục hoá, đưa diện tích gieo trồng cây lương thực từ 110.000 hecta năm 1976 lên 150.000 hecta năm 1978. Xây dựng được 11 nông trường. Sản lượng lương thực từ 210.000 tấn năm 1976 lên 248.000 tấn năm 1977. Năm 1978, bị sâu rầy, ngập lụt mất mùa nặng hơn 50.000 hecta, nhưng vẫn đạt 184.000 tấn. Vì vậy, ngoài cung cấp lương thực cho nhân dân, tỉnh còn đóng nghĩa vụ cho Nhà nước từ 6.700 tấn năm 1976 lên 19.000 tấn năm 1978. Trong cơ cấu lương thực, tỷ lệ màu ngày càng tăng. Đồng Nai là tỉnh có vùng đất bazan, là thế mạnh để phát triển các loại cây công nghiệp ngắn ngày và dài ngày. Tỉnh đã xây dựng được vùng chuyên canh, như thuốc lá, đậu nành ở Định Quán, cà phê ở Xuân Lộc, lúa ở Long Thành, Nhơn Trạch, cao su ở Long Thành, Thống Nhất, Xuân Lộc, Định Quán. Cây công nghiệp như cao su, thuốc lá, các loại đậu... được phát triển, góp phần giải quyết vấn đề thực phẩm, nguyên liệu cho công nghiệp và xuất khẩu. Công tác trồng rừng, khai thác và chế biến gỗ được đẩy mạnh. Đã xây dựng được 23 hecta vườn ươm, trồng thêm 4.000 hecta rừng, xây dựng thêm 4 lâm trường và bước đầu qui hoạch vùng lâm nghiệp. Tổng mức đầu tư cho nông nghiệp trong 5 năm (1976–1980) đạt 489 triệu đồng, chiếm 70% tổng vốn đầu tư.

Công tác điều chỉnh ruộng đất trong năm 1977 đã tịch thu, trưng thu và vận động 1.811 đối tượng hiến 28.600 hecta ruộng đất, đã chia lại 15.000 hecta cho 16.771 hộ nông dân nghèo.

Phong trào hợp tác hoá nông nghiệp gặp khó khăn do xây dựng các hợp tác xã bậc cao không thành công. Vì vậy, ngày 14-4-1978, Bộ Chính trị ra Chỉ thị số 43 về nắm vững và đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp miền Nam, mở rộng các tập đoàn sản xuất, làm thí điểm và từng bước mở rộng xây dựng hợp tác xã sản xuất nông

nghiệp. Tiếp theo, ngày 15-11-1978, Bộ Chính trị ra Chỉ thị số 57 về việc xoá bỏ các hình thức bóc lột của phú nông và tư sản nông thôn, triệt để xoá bỏ tàn dư bóc lột của địa chủ phong kiến, thì khắp nông thôn miền Nam, trong đó có Đồng Nai, phong trào hợp tác hoá nông nghiệp lại được phát triển rầm rộ. Đến đầu năm 1979, phong trào phát triển rộng khắp, đã xây dựng được 960 tập đoàn sản xuất và 11 hợp tác xã nông nghiệp với 25% hộ nông dân tham gia và 31% diện tích canh tác được tập thể hoá. 21 xã và 87 ấp đã cơ bản hoàn thành việc tổ chức nông dân vào làm ăn tập thể. Nhiều tập đoàn sản xuất bước đầu phát huy được tính ưu việt của quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, phát triển sản xuất, tăng thu nhập cho xã viên, làm tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp với phong trào hợp tác hoá đã góp phần quan trọng trong việc giải quyết được vấn đề lương thực cho địa phương đang rất bức xúc, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật ở nông thôn, đặc biệt là khai hoang, phục hoá, làm thủy lợi, cải tạo đồng ruộng, và phát triển giao thông nông thôn. Tiến bộ về kỹ thuật cũng được áp dụng như sử dụng giống mới, áp dụng các biện pháp thâm canh, tăng vụ... Ngoài ra, phong trào hợp tác hoá đã góp phần quan trọng trong việc giải quyết các chính sách xã hội cho gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình cách mạng, người mất sức lao động, già yếu. Tuy nhiên, trong vấn đề khai hoang rộng đã có tác động về môi trường sau này.

Đối với công, thương nghiệp, tháng 3-1977, Bộ Chính trị quyết định rút ngắn thời gian hoàn thành về cơ bản nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công, thương nghiệp tư bản tư doanh từ 5 năm xuống 2 năm (1977-1978) với các nội dung: Hoàn thành việc quốc hữu hoá các xí nghiệp tư nhân đúng đối tượng, chính sách; thực hiện công tư hợp doanh đối với xí nghiệp được lựa chọn trên địa bàn thích hợp; chuyển phần lớn tư bản thương nghiệp sang sản xuất; sắp xếp xong các xí nghiệp tư nhân còn được kinh doanh vào các nhóm sản phẩm, thực hiện có hiệu quả quản lý của Nhà nước về kế hoạch, cung cấp nguyên liệu và giao nộp sản phẩm.

Công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế tư bản chủ nghĩa trong công nghiệp, thương nghiệp, giao thông vận tải, lâm nghiệp đã được tiến hành đồng thời. Những tư liệu sản xuất chủ yếu của giai cấp tư sản thuộc về quyền sở hữu toàn dân và tập thể. Toàn tỉnh có 96 xí nghiệp quốc doanh và 4 xí nghiệp công tư hợp doanh trong số 116 xí nghiệp công nghiệp. Ngoài ra, có 5 xí nghiệp quốc doanh và công tư hợp doanh giao thông vận tải. Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đã khắc phục khó khăn về nguyên liệu, phụ tùng thay thế, đạt giá trị tổng sản lượng năm 1978 tăng 2 lần so với năm 1976 và giá trị tổng sản lượng thuộc thành phần công nghiệp quốc doanh năm 1978 tăng 7 lần so với năm 1976. Nhờ khai thác nguyên liệu ở địa phương, Đồng Nai đã sản xuất được các mặt hàng cơ khí, hoá chất, các mặt hàng đồ gỗ, mây tre, sành sứ... để phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu.

Về thương nghiệp, tỉnh Đồng Nai đã thành lập được một hệ thống thương nghiệp gồm 16 công ty, 140 cửa hàng, trạm thu mua, 124 hợp tác xã mua bán, hợp tác xã tiêu thụ.

Về giao thông, đã xây dựng được 5 xí nghiệp quốc doanh vận tải thủy bộ, xây dựng được các hợp tác xã vận tải với 3.477/5.000 đầu xe các loại.



Việc xóa bỏ thương nghiệp tư bản tư doanh là yêu cầu cấp bách đối với công cuộc cải tạo thương nghiệp tư bản để ổn định thị trường, giá cả, thiết lập thị trường có tổ chức, xây dựng nền thương nghiệp xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, trong quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công, thương nghiệp tư bản, tư doanh còn biểu hiện chủ quan, nóng vội, nặng về xoá bỏ và cấm đoán, làm ô ạt, nặng về biện pháp hành chính.

Sự nghiệp giáo dục, văn hoá, y tế phát triển khá, góp phần phục vụ đời sống nhân dân. Các ngành học mẫu giáo, phổ thông, sư phạm đều phát triển. Số học sinh các cấp trong hai năm 1977–1978 tăng 32,4% so với năm 1976. Các trường tư thục được chuyển thành trường công lập. Điểm nổi bật của ngành giáo dục những năm đầu tiên là tập trung cho công tác xoá mù chữ và bổ túc văn hoá, nhất là cho số cán bộ do điều kiện chiến tranh chưa được học tập. Với những nỗ lực cao của toàn xã hội, đến tháng 4-1977, toàn tỉnh đã xoá mù chữ cho 37.000 người. Năm 1978, toàn tỉnh được công nhận cơ bản xoá mù chữ. Hệ trường bổ túc văn hoá hình thành từ tỉnh xuống huyện, Công ty Cao su góp phần rất lớn trong công tác bổ túc kiến thức và tổ chức thi tốt nghiệp các cấp, phục vụ cho công tác đào tạo cán bộ của tỉnh.

Công tác thông tin, báo chí, phát thanh, truyền thanh đã bám sát nhiệm vụ chính trị của tỉnh, tích cực tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, cổ vũ phong trào cách mạng của quần chúng, giới thiệu nhiều gương điển hình tiên tiến và nhân tố mới. Tỉnh xây dựng được 5 thư viện với 138.875 đầu sách, 7 rạp chiếu bóng và 10 đội chiếu bóng lưu động, 2 đội văn nghệ chuyên nghiệp và nhiều đội văn nghệ nghiệp dư.

Mạng lưới y tế (bệnh viện, bệnh xá, trạm y tế, cửa hàng dược...) phát triển đến phường xã, có nơi đến xóm ấp. Toàn tỉnh có 13 bệnh viện, 5 bệnh xá với 2.677 giường bệnh và 125 trạm y tế xã phường, không để xảy ra các dịch bệnh lây lan.

Công tác an ninh, quốc phòng được đẩy mạnh. Không chỉ lực lượng an ninh, mà các tổ chức quần chúng như Mặt trận, các đoàn thể chính trị cũng tích cực tham gia bảo vệ an ninh, giữ gìn trật tự xã hội. Các âm mưu chống phá, gây bạo loạn lật đổ của tổ chức Fulro trên địa bàn Đồng Nai bị đập tan. Lực lượng công an kết hợp chặt chẽ với phong trào quần chúng đã tiến hành nhiều đợt truy quét, phá vỡ nhiều tổ chức phản động<sup>(12)</sup> lợi dụng tình hình khó khăn, lợi dụng vấn đề tôn giáo để chống phá cách mạng, bắt, xử lý nhiều tội phạm hình sự. Ngành Công an đã thực hiện nhiều biện pháp chuyên môn nghiệp vụ, kết hợp với tuyên truyền, giáo dục, nâng cao cảnh giác chống chiến tranh phá hoại nhiều mặt của kẻ thù, bảo vệ an ninh chính trị, an toàn xã hội.

Vào những năm 1977–1978, tình hình an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh diễn biến phức tạp do bọn phản động quốc tế vu cáo “chính quyền Việt Nam bài xích và xua đuổi người Hoa” khiến nhiều người tìm cách vượt biển trốn ra nước ngoài. Trước tình hình đó, cấp

<sup>12</sup> Như lực lượng “Dân quân miền Kiệm Tân”, “Việt Nam phục quốc”, “Đảng Hắc Long”, “Thập giá Ki Tô 14”, “Đặc khu Rừng Sác”, toán tàn quân do Lý Phá Sáng cầm đầu, “Liên minh phục quốc Á châu”, “Đoàn dân quân phục quốc quận Công Thanh”, “Lực lượng vũ trang kháng chiến chống cộng”, “Mặt trận dân quân liên minh vùng 3 phục quốc”, “Mặt trận nhân quyền phục quốc”, “Mặt trận liên minh thống nhất dân tộc cứu quốc và kiến quốc – chí nguyện Đoàn”, “Quân lực Việt Nam Cộng hoà, biệt khu thủ đô”, “Quân lực Việt Nam tự do”, “Quân lực Việt Nam cộng hoà, Cục trung ương 81”, “Lực lượng nghĩa quân phục quốc”, “Huỳnh Long phục quốc”, “Mặt trận liên quân Việt Nam”... “Mặt trận dân quân phục quốc”, “Việt Nam tự do phục quốc”, “Mặt trận dân quân Việt Nam chống cộng”, “Mặt trận dân tộc tự quyết”, “Lực lượng dân tộc phục quốc nội biên Việt Nam”.

trên lại có chủ trương cho người Hoa và người Việt gốc Hoa được rời lãnh thổ Việt Nam bằng đường biển theo nguyên tắc tự nguyện, tự tổ chức chuyến đi, tự lo phương tiện và các nhu cầu cần thiết khác. Trước khi đi, họ phải để lại toàn bộ tài sản cho Nhà nước, nộp lệ phí theo quy định (người trên 16 tuổi đóng 6 lượng vàng, người từ 5-15 tuổi đóng 3 lượng vàng và dưới 5 tuổi được miễn). Tất cả lệ phí thu của người ra đi phải được nộp Ngân hàng. Kế hoạch trên được gọi là Phương án II/78 là phương án đưa người có quốc tịch nước ngoài, có nguyện vọng hồi hương về nước bằng đường biển.

Từ ngày 12-6-1978 đến 30-5-1979, Phương án II/78 (PA II/78) được tổ chức triển khai thực hiện ở Đồng Nai. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, do tính chất đặc biệt của PA II/78 nên ở tỉnh chỉ có Bí thư Tỉnh uỷ, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh và Trưởng ty Công an biết (trong đó Trưởng ty Công an là Nguyễn Hoàng Vân tức Nguyễn Hữu Giộc, Mười Vân trực tiếp chịu trách nhiệm chỉ đạo thực hiện và báo cáo với đồng chí Bí thư, Chủ tịch tỉnh). Việc thực hiện phương án II là tuyệt đối bí mật. Lợi dụng tình hình, Mười Vân đã thao túng, cô lập Ban lãnh đạo ngành, bố trí nhiều cán bộ tha hóa, tham ô làm thất thoát tài sản Nhà nước, gây mất đoàn kết trong nội bộ ngành.

Từ tháng 5-1979, Trung ương chỉ đạo ngưng thực hiện PA II/78 nhưng Mười Vân vẫn tiếp tục thực hiện và dung túng cho đồng bọn bán bần bãi cho người vượt biên (trong đó có cả những người không phải người Hoa). Hành động của Mười Vân và đồng bọn gây bất bình trong nhân dân. Do đó, tỉnh đã chỉ đạo làm rõ và kiên quyết xử lý theo đúng pháp luật. Nhiều người nguyên là cán bộ, chiến sĩ công an phải ra toà nhận những bản án thích đáng. Đây là bài học kinh nghiệm của ngành Công an trong công tác bố trí, sử dụng cán bộ và công tác nghiệp vụ của ngành.

Ngay sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, quân Khmer đỏ do Pôn Pốt – Iêng Xary cầm đầu đã thi hành chính sách thù địch với Việt Nam. Chúng mở cuộc chiến tranh xâm lược ở biên giới Tây – Nam nước ta. Đồng Nai trở thành hậu phương trực tiếp của cuộc chiến tranh biên giới Tây – Nam. Thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương, ngày 23-5-1978, Thường vụ Tỉnh uỷ Đồng Nai và Sông Bé họp liên tịch thống nhất nhiệm vụ bảo vệ tuyến biên giới.

Tỉnh Đồng Nai thành lập Bộ chỉ huy quân sự thống nhất ở cấp tỉnh và huyện. Bí thư Tỉnh uỷ làm Chính uỷ Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, Bí thư Huyện uỷ làm Chính trị viên Huyện đội. Đầu tháng 6-1978, Tiểu đoàn Đồng Nai 1 được thành lập, nòng cốt là Tiểu đoàn 445 anh hùng. Ngày 8-6-1978, Tiểu đoàn làm lễ xuất phát hành quân lên biên giới. Tiểu đoàn được phối thuộc vào Trung đoàn 4 hoạt động hướng Tây – Tây Bắc huyện Bù Đốp, tỉnh Sông Bé (từ cầu Trắng đến ngã 3 đường 10 giáp sông Măng) với nhiệm vụ ngăn chặn tiêu diệt lực lượng Pôn Pốt lấn chiếm biên giới.

Đến tháng 8-1978, tỉnh tiếp tục thành lập các Tiểu đoàn Đồng Nai 2, Đồng Nai 3, Đồng Nai 4, quân số 1.200 cán bộ, chiến sĩ chiến đấu bảo vệ tuyến biên giới Sông Bé góp phần giữ vững biên cương Tổ quốc.

Ngày 11-10-1978, Uỷ ban nhân dân tỉnh thành lập công trường 15 gồm 4 đại đội Thanh niên xung phong với quân số 800 người xây dựng thành công tuyến phòng thủ biên giới dài 15 km ở Sông Bé (hoàn thành ngày 12-1-1979). Đồng thời phát động quần

chúng tham gia xây dựng tuyến phòng thủ bờ biển Đông, chủ yếu là lực lượng thanh niên.

Các lực lượng vũ trang Đồng Nai đã chiến đấu ngoan cường, giành nhiều thắng lợi trên mặt trận bảo vệ biên giới phía Tây – Nam, đồng thời góp phần to lớn cùng các lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam và lực lượng cách mạng của bạn, giải phóng nhân dân Campuchia thoát khỏi họa diệt chủng do Pôn Pốt – Iêng Xary cầm đầu vào ngày 7-1-1979.

Ngày 22-2-1979, Tỉnh uỷ Đồng Nai đã thành lập Đoàn chuyên gia do đồng chí Hoàng Vĩnh Phú, uỷ viên Thường vụ Tỉnh uỷ, Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh làm Trưởng đoàn. Đoàn quân sự tỉnh Đồng Nai do đồng chí Nguyễn Thanh Tùng, Tỉnh đội phó làm Trưởng đoàn cùng với Tiểu đoàn 5 của tỉnh, 5 đại đội của các huyện là nòng cốt để thành lập Đoàn 7760. Nhiệm vụ của hai đoàn chuyên gia là giúp tỉnh bạn Kompongthom khắc phục hậu quả chiến tranh, xây dựng bảo vệ chính quyền cách mạng, khôi phục phát triển kinh tế và xây dựng cuộc sống mới. Cán bộ, chiến sĩ và các ngành của tỉnh Đồng Nai đã giúp tỉnh bạn xây dựng hệ thống mạng lưới y tế, trường học, trên 5.820 m<sup>2</sup> nhà ở, xây dựng nhiều công trình thuỷ lợi, cung cấp giống, phân bón, khôi phục trên 100.000 hecta lúa và 4.000 hecta màu. Đồng thời giúp bạn xây dựng tuyến phòng thủ biên giới Campuchia – Thái Lan trên 100 km; tổ chức hàng ngàn cuộc truy quét tàn quân Pôn Pốt giúp bạn đảm bảo an ninh chính trị, tạo điều kiện để Việt Nam rút chuyên gia và quân tình nguyện về nước khi hoàn thành nhiệm vụ.

Tháng 1-1981, Thường vụ Tỉnh uỷ ra Quyết định 95-QĐ/TU về *nhiệm vụ giúp bạn và trao đổi kinh tế với tỉnh Kompongthom*; nhấn mạnh thời kỳ giúp đỡ toàn diện đã qua, bắt đầu từ giai đoạn này ta viện trợ theo yêu cầu của bạn, những lĩnh vực bạn đã phát triển ổn định thì nâng lên mức trao đổi.

Trong 3 năm (1980–1982), tỉnh tiếp tục giúp bạn ổn định tình hình, phối hợp cùng bạn truy quét địch ngoài địa hình và đánh phá các căn cứ của địch ở rừng sâu. Đồng thời phát động quần chúng phát hoang, cải tạo địa hình, ngăn không cho địch đưa lực lượng về bám gần dân.

Năm 1983–1984, ta tiếp tục giúp bạn xây dựng, củng cố cơ sở, phát huy 3 phong trào cách mạng của quần chúng. Năm 1984, phong trào đánh địch được phát huy mạnh mẽ, đặc biệt là phong trào rào làng chiến đấu. Năm 1985, ta khẩn trương tiếp tục giúp bạn mạnh lên và đủ sức tự đảm đương. Ngoài lực lượng vũ trang, tỉnh cũng tiếp tục cử các cán bộ chuyên gia (tháng 10-1982, Đoàn chuyên gia Đồng Nai do đồng chí Lê Minh Nguyễn làm Trưởng đoàn và đến đầu năm 1985, Đoàn do đồng chí Nguyễn Văn Thông làm Trưởng đoàn sang thay) giúp bạn đào tạo cán bộ, xây dựng một số cơ sở vật chất cho sản xuất và các công trình công cộng. Những hoạt động hợp tác giúp đỡ lẫn nhau giữa hai tỉnh được phát triển nhiều mặt càng củng cố thêm tình hữu nghị, đoàn kết chiến đấu giữa Việt Nam và Campuchia.

Trong cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây – Nam và thực hiện nghĩa vụ quốc tế đối với đất nước Campuchia, nhiều đơn vị, cá nhân của tỉnh được tặng thưởng Huân chương. Tiểu đoàn 445 và Tiểu đoàn 141 được tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ

trang nhân dân. Hai chiến sĩ được tuyên dương Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân là liệt sĩ Bùi Văn Bình, sinh năm 1955 tại phường Quang Vinh, thành phố Biên Hoà và Nguyễn Văn Bình, sinh năm 1959 tại Vĩnh An. Trong 2 năm 1988 -1989, chuyên gia và các đơn vị tình nguyện của Đồng Nai làm nhiệm vụ quốc tế tại Campuchia lần lượt rút quân về nước.

## **2. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ II và những thành tựu**

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ II tiến hành trong điều kiện tình hình kinh tế - xã hội đất nước nói chung, tỉnh Đồng Nai nói riêng gặp nhiều khó khăn do sai lầm, nóng vội, chủ quan trong quản lý điều hành kinh tế, do hậu quả chiến tranh và tác động của thiên tai, mất mùa. Trong khi đó, những thế lực thù địch không ngừng ra sức phá hoại công cuộc cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội trên nhiều mặt.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ II họp từ ngày 10 đến ngày 12-7-1979 tại thành phố Biên Hoà. Tham dự Đại hội có 401 đại biểu đại diện cho trên 8.000 đảng viên trong toàn tỉnh. Đại hội đã kiểm điểm, tổng kết việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ nhất, đề ra nhiệm vụ, phương hướng thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược là bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa và xây dựng cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội, hoàn thành kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ 2 (1976–1980).

Kiểm điểm tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ nhất, Đại hội đánh giá: Đảng bộ tỉnh Đồng Nai dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương, bám sát thực tế địa phương, đã huy động được sức mạnh của quần chúng, tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa, xây dựng cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội, đạt nhiều chỉ tiêu kế hoạch so với năm 1976. Năng lực lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước được nâng lên một bước; an ninh quốc phòng được giữ vững; huy động được sức mạnh của quần chúng xây dựng và bảo vệ tuyến phòng thủ biên giới Tây – Nam.

Xác định năm 1979–1980 đóng vai trò quan trọng trong việc hoàn thành kế hoạch 5 năm (1976–1980), Đại hội đã đề ra nhiệm vụ chính trị trong hai năm 1979–1980 là: *“Nâng cao tinh thần độc lập tự chủ, tự lực tự cường, thực sự phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, phát huy những thế mạnh của địa phương, ra sức xây dựng kinh tế, phát triển văn hoá, nhất là phát triển toàn diện, vượt bậc sản xuất nông nghiệp, ổn định và đảm bảo đời sống nhân dân; tăng cường quốc phòng an ninh Tổ quốc, làm tròn nghĩa vụ với tiền tuyến lớn, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng yêu cầu trước mắt, đồng thời chuẩn bị điều kiện phát triển những năm sau”*. Đại hội Đảng bộ lần thứ II đã đề ra 6 mục tiêu chủ yếu:

1. Ra sức ổn định và đảm bảo đời sống nhân dân, đảm bảo cho mọi người có công ăn việc làm.
2. Làm tròn nghĩa vụ với tiền tuyến lớn, đáp ứng yêu cầu bảo vệ biên giới.
3. Tăng cường quốc phòng và an ninh chính trị, bảo vệ Tổ quốc, kịp thời ngăn chặn mọi âm mưu hành động phá rối, bạo loạn, sẵn sàng chiến đấu và chiến thắng trong mọi tình huống.

4. Hoàn thành cơ bản công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các ngành công, nông, thương, lâm, ngư nghiệp, phát triển sản xuất, phục vụ đời sống, tăng thu nhập cho nhân dân.

5. Tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật nhằm phát huy các thế mạnh của địa phương, đáp ứng yêu cầu trước mắt đồng thời chuẩn bị cho những năm tới. Ưu tiên phục vụ cho sản xuất nông nghiệp và chế biến lương thực, thực phẩm.

6. Ra sức xây dựng cơ sở gắn liền với xây dựng cấp huyện, kiện toàn cấp tỉnh, đảm bảo phát huy vai trò Đảng lãnh đạo, quần chúng làm chủ tập thể, cải tiến một bước về quản lý và tổ chức kinh tế, quản lý đời sống nhân dân, chống mọi biểu hiện tham ô, móc ngoặc, cửa quyền.

Đại hội đề ra các chỉ tiêu cụ thể: trong hai năm 1979–1980, phải đạt được tổng sản lượng lương thực (qui lúa) từ 750.000 – 800.000 tấn, khai hoang phục hoá từ 12.000 – 15.000 hecta, tổ chức cho 10.000 người (3.000 lao động) đi xây dựng vùng kinh tế mới, làm nghĩa vụ lương thực cho Nhà nước từ 70.000 – 80.000 tấn. Đến năm 1980 có 150.000 con heo, 10.000 con trâu, 30.000 con bò, sản lượng thịt heo hơi 14.000 tấn, đánh bắt 35.000 tấn cá, trồng 5.000 hecta rừng. Giá trị tổng sản lượng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đạt 350.000.000 đồng (kể cả quốc doanh cao su). Kim ngạch xuất khẩu 140 triệu đồng (kể cả cao su).

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khoá II) gồm 43 uỷ viên chính thức và 2 uỷ viên dự khuyết. Đồng chí Lê Quang Chử được bầu lại làm Bí thư Tỉnh uỷ.

Đến cuối năm 1979, đầu năm 1980, xuất hiện tình trạng hợp tác xã, tập đoàn sản xuất tan rã vì một bộ phận lớn nông dân xin rút ra khỏi hợp tác xã và tập đoàn sản xuất. Có tình trạng như vậy là do chúng ta đã đồng nhất giữa hợp tác hoá với tập thể hoá, nên đã phủ nhận vai trò của kinh tế hộ. Thời gian đầu, vì thiếu kinh nghiệm về tổ chức và quản lý, nóng vội, chủ quan nên áp dụng một cách máy móc kinh nghiệm, xây dựng hợp tác xã rập khuôn theo mô hình hợp tác xã ở miền Bắc trước đây, chưa xác định rõ hướng đi và quy mô thích hợp. Trong quá trình thực hiện đã vi phạm nguyên tắc tự nguyện, cơ chế gò bó, tổ chức vội vàng, bỏ qua đặc thù kinh tế tư nhân và điều kiện kinh tế, xã hội của địa phương. Khi phong trào chững lại, ngày 30-6-1980, Ban Bí thư ra Chỉ thị số 93 đề uôn nắn sai phạm trong cải tạo nông nghiệp miền Nam. Chỉ thị nêu rõ: *“Kiên quyết khắc phục tư tưởng sai trái hiện nay là chân chày, do dự, thiếu quyết tâm thực hiện hợp tác hoá nông nghiệp, buông lỏng cải tạo”*. Trước tình hình đó, Tỉnh uỷ có nhiều chủ trương, biện pháp, tuy nhiên, vẫn không đẩy mạnh được phong trào. Mục tiêu hoàn thành cơ bản hợp tác hoá nông nghiệp miền Nam vào năm 1980 không đạt được và phải lùi lại đến năm 1985.

Thực tế cho thấy rằng, sau khi có Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương (khoá IV) tháng 8-1979 cho phép “sản xuất bung ra”, thì ở miền Bắc đã có nhiều địa phương thực hiện “khoán chui” trong nông nghiệp. Vì vậy, việc ban hành Chỉ thị 93 đã góp phần làm hạn chế sự sáng tạo của cán bộ và nông dân miền Nam, Đồng Nai trong việc tìm ra hình thức hợp tác thích hợp trong nông nghiệp.

Đảng bộ xác định công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp địa phương phát triển theo phương hướng: phục vụ đắc lực cho nông nghiệp và các ngành kinh tế khác, phát huy năng lực sản xuất và chế biến nguồn nguyên liệu nông, lâm, hải sản, khai thác nguồn tài nguyên địa phương để sản xuất ngày càng nhiều sản phẩm phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu. Tỉnh đầu tư cho ngành cơ khí, các ngành chế biến nông, lâm, hải sản; phát triển cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng, gắn với vùng nguyên liệu để sản xuất hàng tiêu dùng và xuất khẩu. Đến cuối năm 1979, mặc dù gặp nhiều khó khăn trong việc cung cấp nguyên liệu, nhưng công nghiệp địa phương đã sản xuất được gần 80 sản phẩm phục vụ chủ yếu cho sản xuất, tiêu dùng và một phần xuất khẩu.

Quán triệt Nghị quyết 21-NQ/TW tháng 8-1979 về *phương hướng phát triển công nghiệp tiêu dùng và công nghiệp địa phương*, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khoá II) đề ra Nghị quyết 79-NQ/TU về *phương hướng phát triển công nghiệp hàng tiêu dùng và ngành tiểu thủ công nghiệp*, xác định phải tập trung khai thác tốt nhất tiềm năng, nguyên liệu địa phương, tiềm năng lao động dồi dào, vận dụng các hình thức tổ chức sản xuất linh hoạt để phát triển tiểu thủ công nghiệp.

Thực hiện Nghị quyết 79-NQ/TU, các ngành, các cơ sở sản xuất, các xí nghiệp công nghiệp địa phương, các xí nghiệp Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, đều có kế hoạch thực hiện nhằm đẩy mạnh sản xuất, phấn đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch. Ở thành phố Biên Hoà và các huyện đều có Nghị quyết xây dựng và phát triển công nghiệp theo phương hướng, mục tiêu nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết 79-NQ/TU.

Đi đôi với việc đề ra kế hoạch thực hiện, các cấp chính quyền cũng có những chỉ đạo cụ thể nhằm khuyến khích sản xuất. Ủy ban nhân dân tỉnh, huyện và thành phố đều phân công thành viên của Ủy ban phụ trách công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Các Phòng Công nghiệp huyện và thành phố đều được củng cố. Liên hiệp Công đoàn tỉnh đã phát động nhiều phong trào thi đua phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, từ đó, nhiều đơn vị tổ chức các hội thi thợ giỏi nhằm rèn luyện, nâng cao tay nghề.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương là làm cho “sản xuất bung ra” và Nghị quyết 79 của Tỉnh uỷ, từ giữa năm 1980, nhiều xí nghiệp đã “xé rào”, tự chạy vật tư nguyên liệu, tạo điều kiện cho xí nghiệp tiếp tục sản xuất. Nhiều giám đốc xí nghiệp đã năng động tìm mọi cách để cải thiện đời sống công nhân bằng sản xuất phụ như tổ chức trồng lúa, mì, bắp hoặc chăn nuôi... nhằm giữ chân công nhân ở lại với xí nghiệp. Nhiều xí nghiệp từng bước vượt qua khó khăn, bước đầu tăng thu nhập cho công nhân, từ đó kích thích phong trào thi đua hoàn thành kế hoạch năm 1980.

Tỉnh đã tập trung chỉ đạo các ngành công nghiệp xây dựng mới và mở rộng thêm một số xí nghiệp, tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật để đẩy mạnh sản xuất và tập trung vốn đầu tư. Mạng lưới sản xuất cơ khí từng bước được củng cố về cơ cấu và tổ chức từ tỉnh đến huyện và một số địa bàn xã, trong đó nhà máy cơ khí tỉnh giữ vai trò trung tâm. Nhiệm vụ hàng đầu của công nghiệp cơ khí là phục vụ cho sản xuất nông nghiệp.

Cùng với việc củng cố và đẩy mạnh công nghiệp cơ khí, ngành công nghiệp chế biến cũng được đầu tư xây dựng, chú trọng đến việc chế biến tinh bột. Nhà máy chế biến mì màu được trang bị máy móc, xây dựng sân phơi, bể lọc nước. Cơ sở chế biến lương thực

có 4 cụm được xây dựng ở 4 huyện: Xuân Lộc, Tân Phú, Long Thành và Thống Nhất. Riêng huyện Thống Nhất đã chỉ đạo xây dựng một xí nghiệp quốc doanh của huyện và hợp tác xã chế biến mì màu. Ở các huyện Tân Phú, Long Thành cũng xây dựng tổ hợp chế biến tinh bột từ củ mì và kết hợp chế biến thức ăn gia súc.

Các ngành sản xuất tiểu thủ công nghiệp cũng được tiến hành tổ chức lại lao động, huy động người có vốn và tay nghề tạo điều kiện để mở rộng ngành nghề truyền thống và giải quyết việc làm cho nhân dân.

Sau hơn 1 năm thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 của Ban Chấp hành Trung ương, Khu Công nghiệp Biên Hoà được sắp xếp lại. Toàn Khu Công nghiệp có 40 nhà máy, xí nghiệp thuộc 6 Bộ và 2 Tổng cục quản lý. Các xí nghiệp được tổ chức lại với hình thức công ty và liên hiệp các xí nghiệp. Các xí nghiệp địa phương do tỉnh quản lý đến năm 1980 có 73 xí nghiệp các loại và trong điều kiện sản xuất khó khăn về vật tư, nguyên liệu nhưng giá trị tổng sản lượng công nghiệp tỉnh (tính theo giá cố định năm 1982) đạt 1.063.028.000 đồng.

Đối với khu vực ngoài quốc doanh, thành phần kinh tế tập thể tiếp tục được hình thành. Đến cuối năm 1980, đã xây dựng được 243 cơ sở bao gồm 6 hợp tác xã và 217 tổ hợp tiểu thủ công nghiệp với gần 20.000 lao động. Tỷ trọng sản lượng hàng tiểu thủ công nghiệp năm 1980 chiếm 30% trong toàn ngành công nghiệp địa phương.

Số tư nhân làm ăn cá thể còn nhiều, chủ yếu ở các ngành sản xuất gồm mỹ nghệ, sửa chữa xe máy... Trước tình hình khó khăn chung của cả nước, ngành tiểu thủ công nghiệp của tỉnh cũng gặp không ít khó khăn, ngành đã chủ động xoay sở vật tư. Với nhiều cố gắng và nỗ lực trong sản xuất, đến năm 1980, ngành đã sản xuất được 140 loại mặt hàng, trong đó chủ lực là các sản phẩm đan lát và chế biến thực phẩm, một số sản phẩm mới xuất hiện như: phân viết, giấy nhám, đất đèn...

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, trong quá trình tổ chức sản xuất công nghiệp địa phương chưa có sự kết hợp và gắn bó chặt chẽ giữa 2 ngành nông nghiệp và công nghiệp. Nhiều hợp tác xã và tổ hợp trong ngành tiểu thủ công nghiệp còn lợi dụng hình thức làm ăn tập thể để thu lợi bất chính, có nơi sản xuất bung ra một cách vô tổ chức. Ở cấp huyện, kế hoạch sản xuất được xây dựng một cách chủ quan, thiếu thực tế và không đồng bộ. Vấn đề tham ô trong các ngành công nghiệp còn tồn tại, việc ăn cắp vật tư và máy móc còn thường xuyên xảy ra. Trong sản xuất chưa có những chính sách cụ thể để tận dụng phế liệu.

### ***Về công tác xây dựng Đảng***

Công tác xây dựng Đảng được Đảng bộ xác định là nhiệm vụ thường xuyên và quan trọng hàng đầu, với các phương châm xây dựng Đảng như sau:

- Xây dựng Đảng vững mạnh cả ba mặt: chính trị, tư tưởng và tổ chức.
- Thông qua phong trào cách mạng của quần chúng, xây dựng chế độ làm chủ tập thể của quần chúng mà tiến hành xây dựng Đảng.
- Xây dựng Đảng phải gắn liền với việc kiện toàn tổ chức và nâng cao năng lực của Nhà nước, củng cố các đoàn thể quần chúng.

– Nâng cao chất lượng đảng viên phải gắn chặt với việc nâng cao chất lượng chi bộ; Đảng bộ cơ sở, kiện toàn bộ máy lãnh đạo từng cấp, từng ngành.

– Trong công tác phát triển Đảng phải coi trọng chất lượng, kết nạp Đảng phải đi đôi với củng cố Đảng.

Sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần I, II, Đảng bộ tỉnh đã tổ chức cho toàn thể đảng viên học tập quán triệt các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (tổng số đảng viên học tập Nghị quyết Đại hội IV là 1.600 đảng viên). Việc học tập, nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết của Đảng giúp cho đảng viên, cán bộ nhận thức rõ và sâu hơn về nội dung các nhiệm vụ cách mạng trong thời kỳ quá độ, xác định được hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nhận thức về nhiệm vụ quốc tế trong việc giúp tỉnh Kompongthom (Campuchia); nhận thức về âm mưu thủ đoạn của kẻ thù, nhất là âm mưu phá hoại nhiều mặt; nắm chắc các nội dung về quản lý kinh tế xã hội, văn hoá và công tác xây dựng Đảng. Từ đó, giúp đảng viên, cán bộ nâng cao nhận thức, ý chí cách mạng, tạo sự nhất trí cao trong toàn Đảng về đường lối và hành động.

Tỉnh uỷ Đồng Nai triển khai nhiều hội nghị báo cáo viên, hội nghị chuyên đề, thông báo tình hình trong và ngoài nước, kịp thời giải thích, tháo gỡ những vướng mắc của đảng viên, cán bộ về chính trị và các lĩnh vực tư tưởng, kinh tế, văn hoá, xã hội... Đồng thời Đảng bộ tổ chức tạo điều kiện cho đảng viên đi sâu xuống cơ sở nắm bắt thực tế trên lĩnh vực mình phụ trách, qua đó nhận thức thêm về thực tiễn kết hợp lý luận để vận dụng đường lối, chính sách của Đảng cho phù hợp.

Công tác tư tưởng của Đảng bộ còn tập trung vào việc giáo dục phẩm chất đạo đức cho đảng viên. Tỉnh uỷ qui định thứ bảy hàng tuần là ngày sinh hoạt xây dựng Đảng và đã được tổ chức nề nếp. Thực hiện nguyên tắc tự phê bình và phê bình, phê phán những hiện tượng tiêu cực, sa sút phẩm chất và ý chí chiến đấu trong đảng viên, đề cao việc rèn luyện phẩm chất cách mạng trong tình hình mới. Công tác phê bình, tự phê bình, kiểm tra, phân loại, xét tư cách đảng viên được tiến hành thường xuyên 6 tháng một lần. Ngoài ra, Đảng bộ còn tổ chức lấy ý kiến quần chúng tham gia xây dựng Đảng. Thông qua góp ý, quần chúng giới thiệu nhiều nhân tố tốt để phát triển Đảng, đồng thời giúp các tổ chức Đảng phát hiện những đảng viên sa sút phẩm chất, năng lực yếu để xử lý, bồi dưỡng.

Đảng bộ Đồng Nai xác định Đảng lãnh đạo không chỉ bằng nghị quyết, chủ trương, mà còn phải thông qua công tác đào tạo, bố trí cán bộ, kiện toàn các ban chuyên môn làm tham mưu cho Đảng bộ. Đảng bộ luôn quan tâm đến việc bố trí cán bộ, tăng cường cán bộ làm công tác quản lý ở địa phương, cán bộ chủ chốt làm nhiệm vụ quản lý các ngành khối Nhà nước: Tài chính, Uỷ ban Kế hoạch, Giao thông, Giáo dục. Ngoài các ban chuyên môn như Tuyên huấn, Tổ chức, Uỷ ban kiểm tra, Nghiên cứu lịch sử Đảng, Văn phòng cấp uỷ, Tỉnh uỷ thành lập Ban Nội chính (năm 1978), Ban Khoa giáo (năm 1978), Ban Kinh tế (năm 1978).

Sau giải phóng, lực lượng nòng cốt cách mạng trong tỉnh chỉ có hơn 3.000 cán bộ, đảng viên, tổ chức bộ máy các cấp còn thiếu, nhiều xã, phường, đơn vị chưa có chi bộ,



đảng viên. Trong thời gian cách mạng tiếp quản vùng mới giải phóng, ta tiếp nhận nhiều nguồn cán bộ từ chiến khu ra, cán bộ công tác trong vùng địch tạm chiếm, cán bộ bị địch bắt tù đầy được giải thoát, trở về địa phương tiếp tục hoạt động... Mặt khác, ta tuyển dụng thêm cán bộ mới vào các cơ quan, đơn vị kể cả “lưu dụng” số công chức cũ vào một số ngành nhất định. Nhất là khi thực hiện sự chỉ đạo của Khu uỷ miền Đông về nhiệm vụ giữ gìn an ninh chính trị, trật tự xã hội trong khi lực lượng cách mạng còn mỏng, phải huy động lực lượng quần chúng nhân dân tham gia giữ gìn trật tự, an toàn xã hội; thực tế lực lượng này đã góp phần quan trọng trong việc lập lại trật tự xã hội. Lợi dụng lúc này, những phân tử cơ hội, phản động đã tìm cách len lỏi vào lực lượng ta. Tình hình và công tác cán bộ tiếp tục diễn biến phức tạp, gặp nhiều khó khăn. Do đó, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã có Chỉ thị 236-CT/TW ngày 18-9-1976 về *công tác bảo vệ Đảng, bảo vệ lực lượng cách mạng ở miền Nam* và Quyết định 01-QĐ/TW ngày 15-3-1977 với yêu cầu phải bảo đảm cho tổ chức Đảng thực sự được trong sạch, vững mạnh; chính quyền chuyên chính vô sản và các lực lượng cách mạng được củng cố vững chắc; tăng cường đoàn kết, nhất trí trong đội ngũ Đảng, xây dựng tốt nề nếp quản lý cán bộ, đảng viên. Ngày 20-01-1978, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Đồng Nai (khóa II) đã ban hành Chỉ thị 13-CT/TU, “Về việc thực hiện Thông tri số 22 và các Chỉ thị 192, 236, 237 của Ban Bí thư về công tác xây dựng Đảng”. Tiểu ban đặc biệt bảo vệ Đảng ở Đồng Nai được thành lập. Tiểu ban gồm 5 người do Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh uỷ làm Trưởng tiểu ban.

Công tác thẩm tra tập trung vào các đối tượng: đảng viên, cán bộ kháng chiến từng bị địch bắt tù đầy trong các nhà tù, những đảng viên từng tham gia hoạt động nội thành. Các đồng chí này đều có bản kiểm điểm tường trình báo cáo cho Tiểu ban đặc biệt để nghiên cứu, kết hợp với tài liệu lưu trữ để xác minh làm rõ những vấn đề chính trị. Về phương châm, nguyên tắc và chính sách theo sự chỉ đạo của Trung ương trong việc xem xét vấn đề nội bộ là phải hết *sức thận trọng, khách quan và chính xác, bảo đảm cơ sở chứng cứ vững chắc trong việc kết luận.*<sup>(13)</sup> Thực hiện Chỉ thị 236 và Quyết định 01 của Ban Bí thư là quan trọng, do sự phức tạp của tình hình lúc bấy giờ, nhưng về nhận thức, quan điểm cũng như trong nhận định đánh giá về tình hình đội ngũ cán bộ ta, kể cả việc nắm cán bộ được Tỉnh uỷ phân công phụ trách công tác này chưa đầy đủ; chưa thấy hết bản chất, âm mưu của địch nên trong quá trình chỉ đạo thực hiện của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ và của các Ban tham mưu đã phạm một số *sai lầm nghiêm trọng và kéo dài trong việc xem xét, xử lý vấn đề nội bộ thuộc phạm vi bảo vệ Đảng, gây tổn thương về tình cảm, uy tín và sức mạnh của Đảng bộ.*<sup>(14)</sup> Tình trạng nhiều đảng viên, không ít người là cấp uỷ viên từ tỉnh, thành phố, huyện và cơ sở bị gán ghép tội, bị bắt oan, hàng trăm cán bộ bị tình nghi, đình chỉ sinh hoạt Đảng. Theo báo cáo công tác bảo vệ Đảng từ năm 1975 đến năm 1984 có đề cập 321 trường hợp có vấn đề chưa rõ, trong đó có 166 cấp uỷ viên từ tỉnh đến cơ sở và 155 đảng viên. Sau khi khắc phục được cấp uỷ có thẩm quyền xem xét, cả 321 đồng chí không có vấn đề gì đáng nghi vấn được tiếp tục bố trí

<sup>13</sup> Tài liệu lưu Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ.

<sup>14</sup> Báo cáo Tổng kết công tác bảo vệ Đảng (1975–1983), tr.14. Lưu Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ.

công tác, tuy nhiên còn 37 trường hợp khác (trong đó có 1 quần chúng) không bố trí công tác. Đối với cấp uỷ viên thuộc Trung ương quản lý, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ (khóa III) kiến nghị Ban Bí thư kết luận xóa nghi vấn và được bố trí trở lại công tác phù hợp.

Nguyên nhân những sai sót trên được Ban Thường vụ Tỉnh uỷ khóa III chỉ ra: Do chủ quan, chưa lường hết tính chất quan trọng và phức tạp trong công tác bảo vệ Đảng; nắm và vận dụng phương châm, nguyên tắc, chính sách xử lý của Trung ương chưa chặt; chưa đánh giá đúng về tình hình cán bộ và âm mưu thủ đoạn của kẻ thù, thiếu thẩm tra một cách đầy đủ; trình độ cán bộ chuyên trách yếu kém, chủ quan. Tỉnh uỷ lại thiếu kiểm tra chặt chẽ, việc phát huy dân chủ tập thể trong nội bộ bị hạn chế.

### **III. NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG, TIẾP TỤC PHÁT TRIỂN KINH TẾ, VĂN HOÁ, XÃ HỘI (1981– 1985)**

#### **1. Thực hiện cơ chế mới, phát huy tính chủ động trong sản xuất nông nghiệp và công nghiệp**

Bước vào những năm cuối của thập kỷ 70, đầu những năm 80 của thế kỷ XX, đất nước ta ngày càng lâm vào cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng. Nền kinh tế quốc dân mất cân đối nghiêm trọng. Sản xuất phát triển chậm trong khi dân số tăng nhanh. Thu nhập quốc dân chưa đảm bảo được tiêu dùng xã hội. Trong đời sống kinh tế, văn hoá và an toàn xã hội, có những biểu hiện tiêu cực kéo dài; trên một số mặt, trận địa xã hội chủ nghĩa bị những nhân tố tư bản chủ nghĩa và phi xã hội chủ nghĩa lấn át. Nguyên nhân là do hậu quả của cuộc chiến tranh chống Mỹ chưa khắc phục triệt để thì đất nước lại phải đương đầu với cuộc chiến tranh xâm lược ở biên giới Tây – Nam và biên giới phía Bắc, cả nước luôn luôn phải đương đầu với kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của kẻ thù và do những sai lầm, chủ quan, duy ý chí trong lãnh đạo và quản lý kinh tế, xã hội; thêm vào đó mấy năm liên tiếp xảy ra thiên tai, mất mùa.

Tình hình kinh tế - xã hội của Đồng Nai còn gặp không ít khó khăn, có mặt gay gắt. Sản xuất tuy có bước phát triển nhưng còn thấp, chưa ổn định. Công tác cải tạo và quản lý thị trường còn buông lỏng và thiếu kiên quyết, chưa truy tìm tận gốc và trừng trị đích đáng bọn gian thương, đầu cơ, tích trữ và phá rối thị trường. Hoạt động phân phối lưu thông chưa tác động tích cực đối với sản xuất, chưa đáp ứng tốt yêu cầu phục vụ đời sống. Giá cả biến động, tăng liên tục. Thương nghiệp xã hội chủ nghĩa chưa chi phối được thị trường. Đời sống của cán bộ, công nhân viên chức, lực lượng vũ trang và quần chúng lao động còn nhiều khó khăn. Lương thực, thực phẩm chưa bảo đảm ổn định, thuốc chữa bệnh và một số mặt hàng thiết yếu khác còn thiếu.

Chất lượng các hoạt động văn hoá, xã hội chậm được nâng cao. Hiện tượng tiêu cực trong kinh tế và trong đời sống văn hoá xã hội vẫn còn tồn tại.

Công tác quản lý kinh tế - xã hội chưa được cải tiến và tăng cường đúng mức. Cơ chế quản lý quan liêu bao cấp tuy đã được khắc phục từng bước nhưng vẫn còn nhiều vướng mắc, tình trạng bảo thủ trì trệ vẫn còn nặng, công tác điều hành chưa đồng bộ, hiệu lực còn thấp.

Trong điều kiện khó khăn như vậy, Trung ương Đảng đã tìm cách tháo gỡ khó khăn, tiến hành đổi mới từng phần trong nông nghiệp, công nghiệp.

Từ kết quả làm thử khoán sản phẩm ở một số địa phương và để khắc phục nhược điểm trong cải tạo nông nghiệp, tiếp tục tiến hành hợp tác hoá nông nghiệp, ngày 13-1-1981, Ban Bí thư ra Chỉ thị số 100-CT/TW về cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp (gọi tắt là Chỉ thị 100). Mục đích của khoán sản phẩm là bảo đảm phát triển sản xuất, củng cố và tăng cường quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở nông thôn, không ngừng nâng cao thu nhập và đời sống xã viên, tăng tích lũy của hợp tác xã và làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước. Để đạt được mục đích đó, hợp tác xã phải sử dụng tốt tư liệu sản xuất, biết điều hành lao động, có qui hoạch và kế hoạch sản xuất, phải nắm được sản phẩm để phân phối, kết hợp được ba lợi ích. Phương hướng chủ yếu để cải tiến công tác khoán là khuyến khích mạnh mẽ lợi ích chính đáng của người lao động, làm cho mọi người thực sự gắn bó với sản phẩm cuối cùng. Phương pháp hoàn chỉnh chế độ “ba khoán” (khoán chi phí sản xuất, khoán công điểm và khoán sản phẩm) là chế độ thưởng phạt công minh đối với xã viên, xác định mức khoán hợp lý và ngăn ngừa tình trạng “khoán trắng”. Đối với các hợp tác xã ở miền núi và tập đoàn sản xuất ở miền Nam thì cần làm thử, rút kinh nghiệm trước khi mở rộng.

Hình thức khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động từ thực tiễn sáng tạo của quần chúng nông dân và các cấp uỷ địa phương đã được Đảng ghi nhận, khuyến khích, hướng dẫn thực hiện, bổ sung và nâng lên thành chủ trương của Đảng về đổi mới cơ chế quản lý nông nghiệp. Chỉ thị 100 chuyển từ khoán việc sang khoán sản phẩm, từ khoán theo đội sang khoán theo nhóm lao động và người lao động nên đã đáp ứng nguyện vọng, quyền lợi của người nông dân. Người nông dân bước đầu giành lại quyền chủ động trong sản xuất.

Để thực hiện thắng lợi Chỉ thị 100, trong năm 1981, tỉnh đã mở 5 lớp đào tạo và bồi dưỡng, chủ yếu cho cán bộ quản lý và nghiệp vụ ở các tập đoàn sản xuất và hợp tác xã.

Vụ Hè - Thu năm 1981, tỉnh Đồng Nai đã đưa vào làm thử khoán sản phẩm ở một hợp tác xã và 87 tập đoàn sản xuất. Kết quả cho thấy: qua vận dụng Chỉ thị 100, đã quản lý được lao động và vật tư nguyên liệu, bảo đảm được diện tích gieo trồng, năng suất lao động và năng suất cây trồng tăng, thu nhập của tập đoàn viên tăng, tạo sự phấn khởi và thúc đẩy sản xuất phát triển. Từ kết quả sản xuất trên, tỉnh có chủ trương mở rộng việc khoán sản phẩm trong vụ Đông - Xuân (1981-1982) và bắt đầu từ giai đoạn này phong trào hợp tác hoá trong tỉnh từng bước được nâng lên.

Sau gần 2 năm thực hiện Chỉ thị 100, hình thức khoán mới đã từng bước tạo được sức thu hút đối với nông dân. Tính đến tháng 4-1983, toàn tỉnh có 484 tập đoàn sản xuất và 14 hợp tác xã, thu hút 30.172 hộ, chiếm 16,47% số hộ nông nghiệp và 16.827,2 ha canh tác bằng 11,81% so với diện tích toàn tỉnh. Ngoài ra, còn có 1.342 tổ đoàn kết sản xuất đang hoạt động dưới nhiều mức độ.

Qua phong trào hợp tác hoá đã xuất hiện nhiều tập đoàn sản xuất và hợp tác xã khá, tiên tiến. Một số xã có phong trào hợp tác hoá và phát triển nông nghiệp khá vững chắc

như xã Hiệp Hoà (thành phố Biên Hoà), xã Hưng Lộc và Gia Tân (huyện Thống Nhất), xã Xuân Phú (huyện Xuân Lộc)... Những kết quả trên đã giúp cho Đảng bộ tỉnh rút ra nhiều bài học và kinh nghiệm thiết thực trong việc chỉ đạo, tổ chức quản lý phong trào hợp tác hoá nông nghiệp trong tỉnh.

Để khắc phục tình trạng trì trệ trong sản xuất công nghiệp và với tinh thần tạo điều kiện cho sản xuất “bung ra”, ngày 21-01-1981, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định 25-CP về một số chủ trương và biện pháp nhằm phát huy quyền chủ động sản xuất kinh doanh và quyền tự chủ về tài chính của các xí nghiệp quốc doanh và Quyết định 26-CP về mở rộng hình thức trả lương khoán, lương sản phẩm và vận dụng hình thức tiền thưởng trong các đơn vị sản xuất kinh doanh của Nhà nước.

Quyết định 25-CP đã chỉ rõ hướng đi cho những xí nghiệp không được cung ứng đủ các điều kiện và phương tiện vật chất để hoạt động là cần phải phát huy tính chủ động, sáng tạo, khắc phục khó khăn, tìm việc làm và bảo đảm đời sống cho công nhân viên chức bằng cách tìm vật tư thay thế, chuyển hướng sản xuất hoặc nhận làm gia công cho các đơn vị kinh tế khác, cải tiến kế hoạch theo phương châm tận dụng các năng lực và tiềm năng hiện có nhằm đạt hiệu quả kinh tế ngày càng cao. Kế hoạch của xí nghiệp gồm có 3 phần: phần Nhà nước giao có vật tư bảo đảm, phần xí nghiệp tự làm và phần sản xuất phụ. Những sản phẩm sản xuất trong kế hoạch Nhà nước giao và tự làm phải bán cho quốc doanh. Những sản phẩm thuộc phần sản xuất phụ của xí nghiệp có thể tự tiêu thụ. Ngoài ra, xí nghiệp được phép giữ lại không quá 10% sản phẩm phụ để thưởng cho công nhân viên trong xí nghiệp.

Quyết định 26-CP mở rộng hình thức trả lương khoán, lương sản phẩm và vận dụng hình thức tiền thưởng nhằm thúc đẩy người lao động hăng hái sản xuất. Biện pháp trả lương khoán gắn lợi ích của người lao động, kể cả người phục vụ sản xuất ra sản phẩm đó với kết quả sản phẩm cuối cùng. Thu nhập của công nhân viên chức trong xí nghiệp có thể được tăng thêm do việc bổ sung tiền thưởng trích từ quỹ lương hoặc từ lợi nhuận xí nghiệp. Các xí nghiệp phải coi trọng việc thưởng cho những người có thành tích trong tiết kiệm nguyên vật liệu. Giám đốc xí nghiệp có thể nâng mức tiền thưởng tiết kiệm từ 50–70% số tiền thu được do tiết kiệm. Ngoài ra, những người phát hiện được các vụ tham ô, lãng phí được hưởng từ 10 đến 20% số tiền hoặc giá trị hiện vật thu hồi. Cả hai quyết định trên đã giúp cho các cơ sở tháo gỡ được một phần khó khăn trong sản xuất, khuyến khích người lao động tiết kiệm nguyên vật liệu, tăng năng suất... làm giảm bớt những trì trệ trong sản xuất công nghiệp.

Thực hiện Quyết định 25 và 26-CP của Hội đồng Chính phủ, các xí nghiệp quốc doanh đã soát xét lại năng lực sản xuất, tính toán lại hiệu quả kinh tế một cách cụ thể và sản xuất thêm mặt hàng mới. Nhà máy Điện cơ đã sản xuất thành công quạt trần xuất khẩu. Nhà máy Vô xi măng Bình Hoà tiếp tục hoàn thành hệ thống nghiền nguyên liệu và lò nung, đưa vào sản xuất thử hàng trăm tấn xi măng P300. Công ty Mỹ thuật Công nghiệp sau quá trình xây mới lò nung đã tăng sản phẩm xuất khẩu.

Để giảm bớt những trì trệ trong sản xuất, các ngành đã chú ý đến việc đổi mới công tác quản lý. Trong từng nhà máy, xí nghiệp, cơ cấu tổ chức được xây dựng hợp lý, hoạt

động có hiệu quả ngay từ khâu xây dựng kế hoạch, tính toán nguồn nguyên liệu và lực lượng lao động đến khâu kiểm tra định mức. Một số xí nghiệp đã quyết định thay đổi mặt hàng sản xuất do giá thành sản xuất quá cao, không mang lại hiệu quả kinh tế như: Nhà máy Cao su chất dẻo ngưng sản xuất mặt hàng tấm lợp caroda và chuyển sang sản xuất vỏ ruột xe đạp, vỏ xe Honda; Nhà máy Len Thống Nhất ngưng sản xuất thảm len xuất khẩu và chuyển sang mở rộng khung dệt, đồng thời tập trung hoàn chỉnh khâu hồ, nhuộm... Cùng với việc xác định lại mặt hàng, các xí nghiệp còn tích cực xây dựng và thực hiện kế hoạch hoá 3 phần. Kế hoạch 3 phần đã tạo cơ sở pháp lý cho giám đốc xí nghiệp thực hiện quyền chủ động, linh hoạt, sáng tạo trong sản xuất; tìm nguyên liệu ngoài kế hoạch, thậm chí mua nguyên liệu, vật tư ở thị trường “không tổ chức”. Với sự vận dụng linh hoạt, nhiều nhà máy đã dùng sản phẩm của mình để đổi trực tiếp lấy nguyên liệu hoặc lấy nguyên liệu của nhà máy (chưa dùng đến) để đổi lấy nguyên liệu khác cần thiết hơn cho nhà máy. Giải quyết được khâu nguyên liệu, nhiều xí nghiệp đã nâng công suất máy móc. Mặc dù trong hoàn cảnh khó khăn chung của cả nước, các xí nghiệp quốc doanh của tỉnh vẫn duy trì được sản xuất.

Việc thực hiện trả lương theo khoán sản phẩm, cùng với chế độ khen thưởng (những người có sáng kiến cải tiến kỹ thuật, tiết kiệm nguyên liệu, hoàn thành vượt mức kế hoạch) đã giúp thu nhập của cán bộ, công nhân trong các xí nghiệp năm 1981 tăng hơn năm trước. Việc thực hiện khoán sản phẩm đã kích thích được công nhân tăng năng suất lao động và đẩy mạnh sản xuất trong các xí nghiệp. Một số xí nghiệp có thực hiện kế hoạch sản xuất phụ đã dùng một phần sản phẩm để trao đổi với xí nghiệp khác hoặc địa phương bạn lấy lương thực, thực phẩm giải quyết bữa ăn trưa cho công nhân, bồi dưỡng độc hại hoặc sản xuất ca ba. Được chăm lo về đời sống, công nhân yên tâm sản xuất, tình trạng bỏ việc ngày càng giảm.

Trong lĩnh vực sản xuất tiêu thủ công nghiệp, nhiều đơn vị đã có sự chủ động trong hoàn cảnh vật tư khan hiếm và nắm bắt nhu cầu thị trường. Ngoài việc tận dụng các phế liệu, phế thải trong công nghiệp, các cơ sở tiêu thủ công nghiệp cũng tự khai thác các nguồn nguyên liệu tại chỗ và của các địa phương bạn để sản xuất nhiều mặt hàng.

Với kết quả bước đầu đạt được trong việc thực hiện những chủ trương và biện pháp nhằm phát huy quyền tự chủ trong sản xuất, nhịp độ sản xuất được phục hồi. Giá trị tổng sản lượng công nghiệp bắt đầu tăng đều. Từ năm 1982, sản xuất công nghiệp địa phương có bước chuyển biến mới. Nhiều xí nghiệp được đầu tư mở rộng để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và xuất khẩu như Xí nghiệp liên hiệp Dược, Xí nghiệp quốc doanh Điện cơ, Nhà máy Dệt Thống Nhất, Xí nghiệp Sành sứ Biên Hoà, Xí nghiệp Chế biến thức ăn gia súc... Giá trị tổng sản lượng công nghiệp địa phương năm 1982 là 1.255.486.000 đồng với trên 100 mặt hàng các loại do công nghiệp địa phương sản xuất đã góp phần phục vụ tốt cho tiêu dùng, xuất khẩu và các ngành kinh tế khác.

Đến cuối năm 1981, ngành tiêu thủ công nghiệp có 1.571 cơ sở sản xuất (bao gồm 23 hợp tác xã, 231 tổ hợp và 1.317 cơ sở tư nhân) thu hút 17.943 lao động, giá trị tổng sản lượng tiêu thủ công nghiệp là 552.954.000 đồng.

Trong xây dựng và phát triển công nghiệp, một sự kiện có tính chất đột phá, tạo nền tảng cho việc thực hiện điện khí hoá, công nghiệp hoá trên địa bàn, đồng thời có ý nghĩa với việc phát triển công nghiệp vùng Nam Bộ, đó là việc Đảng và Nhà nước quyết định xây dựng công trình thuỷ điện Trị An trên địa bàn tỉnh Đồng Nai với sự giúp đỡ về thiết bị, kỹ thuật của các chuyên gia Liên Xô.

Công trình thuỷ điện Trị An được khởi công xây dựng ngày 22-2-1982. Đồng chí Trần Văn Danh được Trung ương cử làm Trưởng ban chỉ đạo xây dựng công trình. Tỉnh Đồng Nai đã thành lập Đảng uỷ công trình do đồng chí Lê Tư Huyền, Thường vụ Tỉnh uỷ làm Bí thư Đảng uỷ để trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo công trình.

Ngày 13-6-1983, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Nghị quyết 09-NQ/TU về một số công tác trước mắt phục vụ công trình thuỷ điện Trị An. Nghị quyết nêu rõ nhiệm vụ của các ngành, các cấp, mọi cán bộ, đảng viên, chiến sĩ và nhân dân trong tỉnh là phải thống nhất về quan điểm, chủ trương công việc phải làm, phải chủ động thực hiện công việc mà Trung ương giao cho Đồng Nai, kiên quyết hoàn thành tốt, không để vì thiếu sót của Đồng Nai làm chậm tiến độ xây dựng công trình. Tỉnh uỷ cũng đề ra những nhiệm vụ cần tập trung cho công trình thuỷ điện Trị An trong thời gian tới là: sắp xếp lại lao động, dân cư trên địa bàn có công trình thuỷ điện; khai thác và dọn sạch lòng hồ; cung ứng vật liệu xây dựng cho công trình; làm tốt công tác cung ứng lương thực, thực phẩm cho công nhân, cán bộ phục vụ công trình và công tác bảo vệ an ninh. Tỉnh giao chỉ tiêu cho các huyện huy động hàng ngàn nhân công để khai thác rừng chồi khu vực hồ Trị An, bàn giao mặt bằng thi công cho Trung ương.

Quán triệt Nghị quyết 09-NQ/TU, Chỉ thị 22-CT/TU và Chỉ thị 27-CT/TU của Tỉnh uỷ về trách nhiệm của địa phương đối với công trình, trong toàn tỉnh đã dấy lên phong trào quần chúng hưởng ứng tích cực, thực hiện phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm, Trung ương và địa phương cùng làm”. Các ngành, các cấp và các đoàn thể đã huy động lực lượng công nhân viên, cán bộ, chiến sĩ và nhân dân đóng góp tiền của và tham gia hàng chục triệu ngày công lao động xã hội chủ nghĩa để dọn vệ sinh lòng hồ, chuẩn bị các điều kiện hạ tầng cho công trình. Ngoài ra, tỉnh còn phục vụ đắc lực các mặt hoạt động của công trình như việc cung ứng một khối lượng lớn vật liệu xây dựng, làm tốt khâu cung cấp lương thực, thực phẩm cho hàng chục ngàn công nhân công trình, tham gia ngăn chặn mọi âm mưu phá hoại công trình của các thế lực phản động, hạn chế một phần nạn tiêu cực lấy cắp vật tư của công trình... Với những đóng góp cụ thể và hiệu quả, tỉnh Đồng Nai đã góp phần bảo đảm cho tổ máy đầu tiên vận hành vào năm 1987.

Trong thời gian thực hiện các chủ trương của Đảng về đổi mới từng phần trong nông nghiệp, công nghiệp, với sự tìm tòi, sáng tạo, Đồng Nai đã đạt được một số kết quả bước đầu. Trong bối cảnh đó, Đảng bộ Đồng Nai đã tiến hành Đại hội lần thứ III.

## **2. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ III**

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ III được tiến hành 2 vòng. Đại hội (vòng 1) bắt đầu từ ngày 07 đến ngày 16-01-1982. Tham dự Đại hội có 423 đại biểu (có 2 đại biểu do Trung ương cử về). Đại hội đã tập trung thảo luận, đóng góp ý kiến cho dự

thảo Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương sẽ trình Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V. Đại hội đã cơ bản nhất trí với nội dung dự thảo Báo cáo chính trị, đặc biệt nhất trí cao về việc khẳng định đường lối chung cũng như đường lối kinh tế của dự thảo văn kiện. Đại hội đã bầu đoàn đại biểu đi dự Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng gồm 11 đại biểu chính thức và 2 đại biểu dự khuyết.

Từ ngày 27 đến ngày 31-3-1982, tại Hà Nội đã diễn ra Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đại hội tự phê bình và phê bình thẳng thắn, nghiêm túc về những khuyết điểm, yếu kém của mình trong lãnh đạo quản lý kinh tế, xã hội. Đại hội phản ánh những tư duy đổi mới của Đảng đang được hình thành, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu trong chặng đường trước mắt, coi ổn định tình hình kinh tế - xã hội là nhiệm vụ bức thiết. Đại hội đã thông qua phương hướng, nhiệm vụ và những mục tiêu chủ yếu về kinh tế và xã hội trong 5 năm (1981-1985) và những năm 80.

Hạn chế của Đại hội là chưa phân tích được hết nguyên nhân dẫn đến tình trạng trì trệ của nền kinh tế, chưa thấy đúng mức nguyên nhân chủ quan về lãnh đạo chỉ đạo và quản lý dẫn đến tình hình khó khăn, vẫn khẳng định đường lối chung là đúng đắn, khuyết điểm là trong khâu tổ chức thực hiện nên đã không có được những sửa chữa đúng mức cần thiết. Đại hội còn thể hiện sự nôn nóng trong chủ trương hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa ở các tỉnh Nam bộ vào năm 1985.

Đến cuối năm 1982, địa giới hành chính cấp huyện của Đồng Nai có sự thay đổi. Ngày 09-12-1982, Hội đồng Bộ trưởng ra Quyết định số 193-HĐBT thành lập huyện Trường Sa, bao gồm toàn bộ khu vực quần đảo Trường Sa. Đến ngày 28-12-1982, Quốc hội khoá VII kỳ họp thứ 4 ra Nghị quyết sáp nhập huyện Trường Sa thuộc tỉnh Đồng Nai vào tỉnh Phú Khánh. Ngày 23-12-1985, Hội đồng Bộ trưởng ra Quyết định số 284-HĐBT thành lập thị xã Vĩnh An (gồm huyện Vĩnh Cửu và các lâm trường Vĩnh An, Mã Đà). Như vậy, đến năm 1985, tỉnh Đồng Nai có 9 đơn vị hành chính cấp huyện (gồm có 1 thành phố, 1 thị xã, 7 huyện) và 147 phường, xã, thị trấn.

Từ ngày 24 đến ngày 28-01-1983, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai tiến hành Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ III (vòng 2). Tham dự Đại hội có 418 đại biểu chính thức đại diện cho gần 9.000 đảng viên của 16 Đảng bộ trực thuộc trong toàn tỉnh. Đại hội vinh dự đón tiếp đồng chí Lê Duẩn – Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng về dự và phát biểu ý kiến tại Đại hội. Sự hiện diện của Tổng Bí thư là nguồn cổ vũ, động viên thiết thực thể hiện sự quan tâm đặc biệt của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đối với Đại hội. Tại Đại hội, đồng chí Lê Duẩn phát biểu ý kiến nhấn mạnh: *“Các đồng chí phải thấu suốt hơn nữa đường lối, chính sách và phương hướng nhiệm vụ đề ra trong các văn kiện quan trọng để vạch được một chương trình hành động cụ thể, tích cực và hiện thực của Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh, nhằm đẩy mạnh các mặt công tác cải tạo và phát triển kinh tế, văn hoá, khắc phục những khó khăn trước mắt đưa sự nghiệp cách mạng của chúng ta vững bước tiến lên”*.<sup>(15)</sup>

---

<sup>15</sup> Trích phát biểu của đồng chí Lê Duẩn – Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng đọc tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ III, ngày 26-01-1983.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ III (vòng 2) là đợt sinh hoạt chính trị sâu sắc, dân chủ rộng rãi trong Đảng. Đại hội có ý nghĩa quan trọng trong đời sống kinh tế, chính trị, xã hội của nhân dân trong tỉnh. Nhiệm vụ của Đại hội là kiểm điểm, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ II; thảo luận và đóng góp ý kiến cho dự thảo Báo cáo kế hoạch Nhà nước năm 1983 và đề ra nhiệm vụ trong hai năm (1983–1985), Báo cáo xây dựng Đảng.

Đại hội đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ II đã thu được những thành tích nhất định và có ý nghĩa trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội và an ninh quốc phòng. Bên cạnh những thành tích và kết quả đạt được, Đại hội đã nghiêm túc thừa nhận trong bước đi ban đầu thực hiện nhiệm vụ lãnh đạo, Đảng bộ còn nhiều thiếu sót, nhất là trong quản lý kinh tế. Điều này dẫn đến tình trạng sản xuất có phát triển nhưng hiệu quả còn thấp, chưa tương xứng tiềm năng có thể khai thác, chưa tạo được cơ cấu kinh tế mới. Hoạt động phân phối lưu thông chưa tác động tích cực đối với sản xuất và phục vụ đời sống. Công tác quản lý thị trường còn lỏng lẻo. Các hoạt động văn hoá - xã hội chưa phối hợp chặt chẽ, sâu sắc đối với sự nghiệp xây dựng nền văn hoá mới, con người mới. Công tác xây dựng, củng cố và tăng cường cơ sở tiên hành còn chậm, chưa đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ kinh tế - xã hội.

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V và tình hình thực tế ở địa phương, Đại hội đã nêu phương hướng, nhiệm vụ kinh tế - xã hội từ năm 1983 đến năm 1985. Yêu cầu cơ bản về kinh tế, xã hội từ năm 1983 đến năm 1985 là: *“phải nhằm tập trung đẩy mạnh cải tạo, kết hợp với sắp xếp lại một bước và phát triển thêm sản xuất để nhanh chóng ổn định được tình hình kinh tế - xã hội, đáp ứng được những nhu cầu cấp bách và thiết yếu nhất của đời sống nhân dân, giảm bớt các mặt còn mất cân đối gay gắt nhất của địa phương, thiết lập trật tự xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực phân phối lưu thông, tạo điều kiện cho những năm sau tiến lên mạnh mẽ, vững chắc hơn”*. Trên cơ sở những yêu cầu trên, Đại hội đã đề ra các mục tiêu chung về kinh tế - xã hội từ năm 1983 đến năm 1985 là:

- Đáp ứng những nhu cầu cấp thiết nhất, dần dần ổn định, tiến lên cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân.
- Tiếp tục xây dựng có trọng điểm cơ sở vật chất kỹ thuật, nâng cao hiệu quả của vốn đầu tư.
- Đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa, không ngừng củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất.
- Phân đấu nâng cao chất lượng và phát triển phong trào văn hoá xã hội.
- Thường xuyên nâng cao cảnh giác cách mạng về mọi mặt và không ngừng tăng cường quốc phòng toàn dân, ra sức giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.
- Thực hiện tốt nghĩa vụ đối với sự nghiệp cách mạng cả nước và làm tròn nghĩa vụ quốc tế được giao.
- Tiếp tục củng cố hệ thống chuyên chính vô sản.